

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 312/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 30 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt các đề án thuộc Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2005 đến năm 2010

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Tư pháp, Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt các đề án thuộc Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2005 đến năm 2010 gồm 04 đề án cụ thể sau (kèm theo Quyết định này):

1. Đề án 1: Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Cơ quan chủ trì: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Nội dung Đề án tập trung vào công tác tuyên truyền giáo dục về chính sách pháp luật, nâng cao ý thức của nhân dân trong công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

2. Đề án 2: Đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em.

Cơ quan chủ trì: Bộ Công an và Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng.

Nội dung Đề án tập trung vào công tác phòng ngừa, ngăn chặn, phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em; triển khai Đề án ở khu vực nội địa (tiểu dự án 1) do Bộ Công an chủ trì, triển khai Đề án ở khu vực biên giới (tiểu dự án 2) do Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chủ trì.

3. Đề án 3: Tiếp nhận và hỗ trợ những phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Nội dung Đề án tập trung vào công tác tiếp nhận, hồi hương, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

4. Đề án 4: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

Nội dung Đề án tập trung vào công tác nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Điều 2. Thời gian thực hiện các đề án từ năm 2005 đến năm 2010, gồm 2 giai đoạn:

- Giai đoạn I: từ năm 2005 đến năm 2007.

- Giai đoạn II: từ năm 2008 đến năm 2010.

Điều 3. Kinh phí thực hiện và tổ chức thực hiện các đề án thuộc Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em:

- Kinh phí thực hiện:

+ Từ ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương.

+ Từ các nguồn vốn hợp pháp khác trong và ngoài nước, đóng góp của cộng đồng, tài trợ quốc tế.

+ Các Bộ, ngành chủ trì các đề án phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí trong kế hoạch hàng năm để thực hiện các đề án đúng tiến độ.

- Các Bộ, ngành, đoàn thể được giao chủ trì các đề án có trách nhiệm phối hợp với các Bộ, ban, ngành, đoàn thể có liên quan ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức thực hiện các đề án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 5. Giao cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo 130/CP của Chính phủ có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc việc tổ chức thực hiện các đề án trên, định kỳ tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Phạm Gia Khiêm

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010 CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỀ ÁN TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC TRONG CỘNG ĐỒNG VỀ PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Thực trạng tình hình buôn bán phụ nữ, trẻ em (BBPNTTE)

Tình hình buôn bán phụ nữ và trẻ em trong những năm qua đã và đang diễn ra hết sức phức tạp và nghiêm trọng và xu hướng gia tăng không chỉ trong nước, mà trong khu vực và trên toàn thế giới. Theo số liệu của Bộ Công an, cho đến nay đã có hàng chục nghìn PNTE Việt Nam bị buôn bán để làm mại dâm, làm vợ bất hợp pháp, buộc phải lao động trong điều kiện tồi tệ. Họ bị bóc lột tình dục, bóc lột lao động hoặc bị sử dụng vào những mục đích thương mại, vô nhân đạo khác. Báo cáo của Bộ Tư lệnh Biên phòng, từ năm 2000 đến 2004, phát hiện, bắt giữ 196 vụ/403 đối tượng, triệt phá 53 đường dây buôn bán PNTE qua biên giới, giải thoát cho 641 phụ nữ bị lừa bán, phối hợp với các cơ quan chức năng tiếp nhận 3.667 phụ nữ, trẻ em Việt Nam bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Đối với tuyến biên giới phía Bắc, từ năm 2000 đến tháng 12 năm 2004, Trung Quốc đẩy về nước ta là

2.917 trường hợp, qua phân loại trong đó có 947 đối tượng bị lừa bán, 1.970 đối tượng sang Trung Quốc trái phép với các lý do khác nhau. Đối với tuyến biên giới Tây Nam, từ năm 2000 đến tháng 12 năm 2004 xảy ra 217 vụ/1.395 phụ nữ, trẻ em bị lừa bán hoặc xuất cảnh trái phép sang Campuchia hành nghề mại dâm, đã có hàng nghìn trường hợp trở về.

Tội phạm trong nước liên kết với tội phạm các nước, lừa bán PNTE từ các vùng nông thôn, miền núi vào các nhà hàng, ổ chứa mại dâm tại các thành phố lớn, các trung tâm kinh tế, thương mại, qua biên giới. PNTE ở các tỉnh phía Bắc nước ta bị bán sang Trung Quốc chủ yếu để làm vợ, làm mại dâm. Nhiều nạn nhân phải lấy những người đàn ông lớn tuổi ở vùng sâu, kinh tế khó khăn; bị quản lý chặt chẽ về thời gian và kinh tế; có trường hợp phải phục vụ tình dục cho nhiều người trong một gia đình. PNTE từ các tỉnh phía Nam chủ yếu bị đưa sang Campuchia để hành nghề mại dâm tại các nhà hàng, khách sạn, các tụ điểm mại dâm ở Phnom Penh và các thị xã, thành

phổ lớn; một số PNTE khác còn bị lừa bán cho người nước ngoài thông qua môi giới hôn nhân, nhận làm con nuôi. Ở nước ngoài, do tình trạng nhập cư trái phép, họ phải sống lén lút, mất quyền tự do, nhân phẩm bị chà đạp, bất đồng về ngôn ngữ; nhiều phụ nữ buộc phải tìm cách trở về nước với hai bàn tay trắng, sức khỏe bị suy giảm, bị mắc các bệnh xã hội, mặc cảm, khó hòa nhập cộng đồng.

Đối tượng dễ bị buôn bán chủ yếu là phụ nữ 18 - 35, trẻ em trong độ tuổi vị thành niên. Đối tượng này chủ yếu thường sống ở vùng nông thôn, miền núi, trình độ văn hóa thấp, nhận thức xã hội hạn chế, thiếu hiểu biết, cả tin, không có việc làm ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn hoặc do bị thương tổn, đổ vỡ trong hôn nhân, hoàn cảnh gia đình éo le, trắc trở, muốn có nhiều tiền, không có việc làm. Trẻ em bị buôn bán thường là những trẻ em lang thang, thiếu sự quan tâm, giáo dục, quản lý của gia đình hoặc bị bỏ rơi, bị bắt cóc, dụ dỗ lừa đảo đem đi bán.

BBPNTTE là một loại tội phạm nguy hiểm xâm hại trực tiếp đến danh dự, nhân phẩm, sức khỏe, tính mạng của phụ nữ và trẻ em; ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình, gây mất trật tự an toàn xã hội, an ninh biên giới. BBPNTTE không những là vi phạm thô bạo đến quyền con người mà còn làm tăng đáng kể nguy cơ lây nhiễm các bệnh xã hội, HIV/AIDS trong cộng đồng, làm mất đi nguồn nhân lực lao động, gây thiệt hại về kinh tế cho gia đình, cho xã hội.

2. Đánh giá hoạt động truyền thông, giáo dục PCBBPNTTE

a) Những điểm thành công:

Trong những năm qua, hoạt động truyền thông, giáo dục, tư vấn, vận động cộng đồng PCBBPNTTE đã góp phần phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm BBPNTTE; nhận thức của cán bộ, nhân dân về nguyên nhân, hậu quả và thủ đoạn của bọn buôn người đã có những chuyển biến rõ rệt. Công tác phối hợp liên ngành đã phát huy sức mạnh trong việc tuyên truyền, giáo dục ngăn ngừa tội phạm BBPNTTE.

Hoạt động tuyên truyền, giáo dục PCBBPNTTE được tổ chức với nhiều nội dung và hình thức phong phú, đa dạng như: truyền thông trực tiếp, băng video, đĩa CD, băng cátset, văn hóa văn nghệ, hội thi, sinh hoạt câu lạc bộ, sinh hoạt tổ phụ nữ, đã chuyển tải nhiều thông tin tới đông đảo các tầng lớp nhân dân. Đặc biệt tranh thủ hiệu quả của hệ thống thông tin đại chúng, góp phần làm thay đổi nhận thức của cộng đồng, tạo sự ủng hộ và giúp đỡ của các cấp chính quyền địa phương trong công tác PCBBPNTTE. Tại một số địa bàn trọng điểm đã xây dựng được các mô hình truyền thông hỗ trợ cho các nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng đạt hiệu quả, mang tính thiết thực cao.

Đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên, cộng tác viên ở những địa phương có chương trình, dự án về PCBBPNTTE

đã được tập huấn nâng cao năng lực và tổ chức được các hoạt động truyền thông về PCBPNTE đạt hiệu quả ở cộng đồng.

Hoạt động trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm về truyền thông PCBPNTE qua các hội thảo song phương, chiến dịch truyền thông chung PCBPNTE, các cuộc họp thường niên giữa các ngành của Việt Nam với Trung Quốc; hội thảo giữa Hội LHPN Việt Nam với Hội LHPN Lào và Bộ phụ nữ Campuchia, tham gia một số hội thảo Quốc tế và khu vực cũng góp phần khẳng định thêm mức độ nghiêm trọng của tình hình BBPNTE cũng như đưa ra những định hướng, giải pháp cụ thể nhằm ngăn chặn và giảm dần tình trạng BBPNTE.

b) Những khó khăn và thách thức:

Kết quả khảo sát cộng đồng về BBPNTE tại 22 xã của 7 huyện thuộc 3 tỉnh: Quảng Ninh, An Giang, Lạng Sơn; nghiên cứu các nhóm đối tượng truyền thông về PCBPNTE (lãnh đạo chính quyền địa phương, cha mẹ, nữ thanh niên, phụ nữ 18 - 35 tuổi, nhóm trẻ em, giáo viên, học sinh, nạn nhân) tại 8 xã của 4 tỉnh (Bắc Giang, Thanh Hóa, Quảng Ninh, Lạng Sơn); Đề tài nghiên cứu về PCBPNTE của Trung ương Hội LHPN VN "Hỗ trợ cộng đồng PCBPNTE/RAS 98 H01"; truyền thông thí điểm bằng video tại 5 xã của 5 tỉnh (Thái Bình, Hải Dương, Yên Bái, Tiền Giang, Sóc Trăng) cho thấy:

Nhận thức của các cơ quan chính

quyền địa phương các cấp chưa đầy đủ, chưa thực sự quan tâm, đầu tư đúng mức đến công tác truyền thông PCBPNTE; hoạt động truyền thông PCBPNTE chưa tiến hành thường xuyên, sâu rộng, mới chỉ tập trung ở một số địa bàn trọng điểm vào các đợt cao điểm, ở những tỉnh có dự án hỗ trợ, số xã được đầu tư truyền thông còn rất ít (chỉ đạt khoảng 10% tổng số xã của cả nước); các giải pháp truyền thông thiếu tính chiến lược, do đó hiệu quả truyền thông chưa cao. Hình thức tuyên truyền chưa thực sự phong phú, đa dạng nên chưa thu hút được sự tham gia đông đảo của cộng đồng vào công tác PCBPNTE; trình độ, năng lực của đội ngũ tuyên truyền viên, báo cáo viên ở cấp cơ sở vùng sâu, vùng xa còn hạn chế, một số chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu; các mô hình hiệu quả chưa được đa dạng chưa được phát triển nhân rộng ra địa bàn; hoạt động sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm hàng năm chưa được tiến hành thường xuyên; khen thưởng, động viên chưa kịp thời nên chưa khuyến khích thu hút sự tham gia tích cực của mọi người vào công tác truyền thông PCBPNTE; công tác phối hợp giữa các Bộ, ngành, các đoàn thể chưa tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong chỉ đạo và tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông; đối tượng có nguy cơ ít được tiếp cận được với thông tin về BBPNTE; kinh phí tổ chức các hoạt động truyền thông PCBPNTE còn hạn hẹp. Tài liệu truyền thông chưa đáp ứng được yêu cầu của các cơ sở trong cả nước.

Những khó khăn và thách thức trên có nhiều nguyên nhân, song tập trung ở những nguyên nhân chính sau: vấn đề PCBBPANTE chưa thực sự được quan tâm chỉ đạo thực hiện, ở địa phương còn nhiều vấn đề bức xúc cần giải quyết như: nghèo đói, việc làm, tệ nạn xã hội, tội phạm. Ở những địa bàn trọng điểm, do điều kiện kinh tế khó khăn, thiếu phương tiện truyền thông đại chúng; mặt khác, do điều kiện giao thông còn khó khăn, trình độ dân trí thấp, một bộ phận người dân còn không biết chữ, không biết tiếng phổ thông nên chưa được tiếp cận với các thông tin về PCBBPANTE; tuyên truyền viên ở cộng đồng ít được đào tạo, tập huấn, không có điều kiện cập nhật thông tin cũng như kỹ năng về truyền thông, giáo dục, tư vấn, vận động cộng đồng về PCBBPANTE. Công tác truyền thông cộng đồng PCBBPANTE chưa được đầu tư hợp lý, nguồn lực trong cộng đồng chưa được huy động; diễn biến của tình hình ngày càng phức tạp, tội phạm hoạt động với nhiều thủ đoạn tinh vi, có sự cấu kết giữa các tỉnh trong nước, các nước trong khu vực; phụ nữ, trẻ em di cư tự do đi tìm việc làm tại các thành phố, thị xã ngày càng tăng; việc quản lý hộ tịch, hộ khẩu trên địa bàn chưa chặt chẽ. Đó chính là những nguyên nhân cản trở đến tuyên truyền, giáo dục cộng đồng.

3. Cơ sở pháp lý xây dựng Đề án

- Nhà nước ta đã ký kết Công ước Loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (Cedaw), Công ước quốc tế về

quyền trẻ em (CRC), Công ước số 182 của Tổ chức Lao động quốc tế về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, Công ước số 138 về tuổi tối thiểu được đi làm, Nghị định thư về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em.

- Nhà nước đã ban hành nhiều đạo luật cơ bản có liên quan đến phụ nữ và trẻ em như Luật Bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Phổ cập giáo dục tiểu học, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bảo vệ sức khỏe, Luật Đất đai, Luật Lao động, Bộ luật Tố tụng hình sự, Bộ luật Dân sự, Bộ luật Hình sự, Pháp lệnh Phòng, chống mại dâm... và các văn bản dưới luật nhằm đảm bảo thực hiện quyền phụ nữ, quyền trẻ em.

- Ngày 12 tháng 02 năm 2004, Chính phủ ban hành Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chương trình ngăn ngừa và giải quyết trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục, trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004 - 2010.

- Ngày 14 tháng 7 năm 2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010 với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp, các ngành, các đoàn thể và toàn bộ xã hội về công

tác PCBBPANTE nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và giảm cơ bản vào năm 2010 tình trạng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán. Thực hiện chương trình hành động này, có 4 đề án được xây dựng. Hội LHPN Việt Nam được phân công chủ trì xây dựng đề án “Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ trẻ em”.

II. MỤC TIÊU VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Mục tiêu tổng quát

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em nhằm tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức, hành động, sự tham gia tích cực của toàn xã hội, các đối tượng phụ nữ trong lĩnh vực phòng ngừa, phát hiện tố giác tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em; giảm cơ bản tình trạng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán vào năm 2010.

2. Các mục tiêu cụ thể và giải pháp thực hiện

a) Mục tiêu 1:

Nâng cao nhận thức của các đối tượng phụ nữ, trẻ em, người dân cộng đồng về thủ đoạn, nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn BBPANTE, biết cách bảo vệ bản thân, gia đình và cộng đồng trong PCBBPANTE; nâng cao sự hiểu biết, ý thức chấp hành pháp luật trong phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ,

trẻ em thông qua các hoạt động truyền thông cộng đồng.

- Kết quả 1:

Tăng bình quân mỗi năm 10% số phụ nữ từ 18 đến 35 tuổi, trẻ em gái vị thành niên và gia đình nhận biết được thủ đoạn, hậu quả, cách phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em; hiểu rõ pháp luật phòng ngừa, đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em. Đối với các xã điểm, tăng 20%/năm.

- Các giải pháp:

+ Sử dụng có hiệu quả các kênh truyền thông:

Chương trình truyền hình phụ nữ, chương trình phát thanh phụ nữ được phát sóng hàng tuần trên Đài Truyền hình và Đài Tiếng nói Việt Nam là điều kiện thuận lợi cho việc truyền thông trên phạm vi toàn quốc về phòng, chống buôn bán phụ nữ trẻ em. Nội dung tuyên truyền giáo dục qua các băng video, đĩa VCD, băng catsét, phim truyền hình, bản tin tiếng dân tộc thiểu số, sẽ được sản xuất và nhân bản cho đài truyền hình và đài phát thanh các tỉnh, thành, các xã phường điểm, đặc biệt hệ thống truyền thanh của các địa phương; tuyên truyền trên các báo, tạp chí, tờ tin, trang website của các ngành, các cấp, góp phần nâng cao nhận thức và chuyển đổi hành vi bền vững cho mỗi cá nhân và cả cộng đồng trong phòng, chống buôn bán phụ nữ trẻ em.

Đề án đặc biệt chú trọng vào kênh

truyền thông trực tiếp cho các nhóm đối tượng: đối với nhóm phụ nữ 18 đến 35 tuổi, người dân ở cộng đồng sẽ tập trung vào việc cung cấp thông tin giúp đối tượng có được những kiến thức cơ bản về nguyên nhân, thủ đoạn, hậu quả và biện pháp phòng, chống buôn bán phụ nữ trẻ em, kiến thức giới, quyền phụ nữ, trẻ em, khoa học kỹ thuật, kỹ năng sống, cách phát hiện, tố giác tội phạm và bảo vệ nhân chứng thông qua việc truyền thông trên kênh thông tin đại chúng, qua việc tổ chức chiến dịch truyền thông, mít tinh, truyền thông nhóm nhỏ, sinh hoạt chuyên đề; đối với nhóm trẻ em gái vị thành niên sẽ tập trung vào các hoạt động như tổ chức diễn đàn trao đổi, thảo luận, thi tìm hiểu kiến thức; đối với nhóm phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về sẽ tập trung vào hoạt động tư vấn cho cá nhân, tư vấn cho gia đình, xây dựng mô hình; khuyến khích chị em tham gia sinh hoạt chuyên đề, tham gia đi tuyên truyền, vận động; đối với gia đình sẽ tập trung vào hoạt động tọa đàm, thăm hộ gia đình, hỗ trợ phát triển kinh tế gia đình thông qua các hoạt động lồng ghép.

+ Xây dựng bộ công cụ truyền thông:

Xây dựng giáo trình giảng dạy về PCBBPANTE cho đội ngũ giảng viên bao gồm: tài liệu truyền thông về luật pháp, chính sách liên quan đến phụ nữ, trẻ em; tài liệu truyền thông PCBBPANTE; kỹ năng truyền thông, giáo dục, tham vấn, tư vấn cộng đồng, truyền thông thay đổi hành vi, kỹ năng lập kế hoạch, giám sát,

đánh giá; bình đẳng giới; kỹ năng sống, khoa học kỹ thuật nông nghiệp...

Bộ công cụ truyền thông về PCBBPANTE sẽ được xây dựng bao gồm: sách lật, tờ rơi, tranh áp phích, sổ tay cho tuyên truyền viên, lịch và các phóng sự, phim. Các tài liệu truyền thông này sẽ được in và phát đến các cơ quan, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội, trường học, gia đình, đến tận tay các đối tượng phụ nữ, trẻ em, người dân ở các địa phương thực hiện đề án.

+ Xây dựng mô hình phòng, chống BBPANTE ở các địa bàn trọng điểm, có nhiều phụ nữ, trẻ em bị buôn bán (những tỉnh biên giới, có cửa khẩu, đường mòn - nơi trung chuyển phụ nữ, trẻ em; thành phố, thị xã, thị trấn, một số tỉnh đồng bằng...). Trên cơ sở tổng kết, đánh giá, lựa chọn những mô hình hoạt động có hiệu quả để nhân rộng. Mỗi địa bàn, mỗi đối tượng có mô hình truyền thông phù hợp: đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số dùng băng cát sét, băng hình tiếng dân tộc; các thành phố, thị xã, thị trấn dùng xe cổ động, đội văn nghệ lưu động; vùng đông dân cư tập trung truyền thông qua chiến dịch truyền thông, truyền thông trực tiếp cho các nhóm đối tượng; tư vấn cho đối tượng, cho gia đình nạn nhân bị buôn bán trở về, với đối tượng phạm tội. Đến năm 2007 có 10 mô hình/10 tỉnh và đến năm 2010 có 30 mô hình/30 tỉnh trọng điểm đạt hiệu quả được duy trì.

+ Vận động sự ủng hộ và tham gia

của toàn xã hội của các cấp chính quyền, các đoàn thể, tổ chức xã hội, các gia đình, các nhóm đối tượng phụ nữ, trẻ em, đặc biệt những nhóm phụ nữ và trẻ em bị buôn bán trở về, trong việc ngăn ngừa các hành vi buôn bán người; tạo dư luận lên án, phát hiện tố giác tội phạm; hỗ trợ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng ổn định cuộc sống, đầu tư nguồn lực trong công tác truyền thông vận động xã hội, đưa hoạt động phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em vào các mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương, các hoạt động của các tổ chức xã hội.

b) Mục tiêu 2:

Nâng cao năng lực cho cán bộ, tuyên truyền viên, cộng tác viên về kiến thức PCBBPNTTE, luật pháp, chính sách liên quan đến PCBBPNTTE, Kỹ năng truyền thông giáo dục thay đổi hành vi PCBBPNTTE tại cộng đồng.

- Kết quả 2:

+ Đào tạo được đội ngũ giảng viên chủ chốt cấp Trung ương và cấp tỉnh/thành, quận, huyện, tuyên truyền viên các xã/phường có kiến thức và kỹ năng truyền thông, vận động, tư vấn về phòng chống BBPNTTE.

+ 1.200 tuyên truyền viên của 30 tỉnh trọng điểm được trang bị kiến thức và kỹ năng phòng, chống BBPNTTE, có khả năng tổ chức các hoạt động truyền thông PCBBPNTTE có hiệu quả tại cộng đồng.

+ Xây dựng được bộ giáo trình tập huấn về PCBBPNTTE cho giảng viên đạt hiệu quả về cả nội dung và hình thức được đưa vào sử dụng.

+ Xây dựng được cuốn sổ tay về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em; kỹ năng phòng, chống BBPNTTE; lồng ghép bình đẳng giới với truyền thông, tham vấn, tiếp cận đối tượng PCBBPNTTE.

+ Xây dựng một bộ tài liệu truyền thông về PCBBPNTTE cho các đối tượng có hiệu quả bao gồm: sách mỏng, tờ rơi, truyện tranh, áp phích, lịch, sách lật.

+ Xây dựng các sản phẩm, ấn phẩm nghe, nhìn phim truyền hình về PCBBPNTTE thu bằng cát sét về PCBBPNTTE (băng video, đĩa VCD, băng cát sét).

- Giải pháp thực hiện:

+ Lựa chọn và tổ chức đào tạo cho các giảng viên chủ chốt cấp trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nhằm nâng cao năng lực về PCBBPNTTE, kỹ năng truyền thông, giáo dục, vận động, tư vấn cộng đồng về PCBBPNTTE.

+ Xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên cơ sở về PCBBPNTTE.

+ Tổ chức các lớp tập huấn về PCBBPNTTE ở cơ sở cho tuyên truyền viên.

+ Chú trọng việc đào tạo, bồi dưỡng tuyên truyền viên là những nạn nhân bị buôn bán trở về để tăng cường hiệu quả của công tác truyền thông qua những điển hình người thật, việc thật, đồng thời

cũng tạo điều kiện để chị em là nạn nhân bị buôn bán trở về nhanh chóng xóa bỏ mặc cảm và tái hòa nhập cộng đồng.

+ Tăng cường các hoạt động trao đổi thông tin, chia sẻ kinh nghiệm, thăm quan mô hình trong nước và các nước trong khu vực, trên thế giới.

+ Xây dựng cơ chế song phương phòng, chống BBPNTE, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về tái hòa nhập cộng đồng.

III. QUAN ĐIỂM, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm về truyền thông PCBBPNTE

Công tác tuyên truyền, giáo dục PCBBPNTE tại cộng đồng sẽ tập trung vào những vùng trọng điểm; tập trung vào đối tượng có nguy cơ cao để phòng ngừa nhằm nâng cao nhận thức, tiến tới thay đổi hành vi; đa dạng hóa các kênh truyền thông, đặc biệt chú trọng vào kênh truyền thông trực tiếp cấp cơ sở nhằm thu hút sự tham gia của nhiều người các cấp các ngành, cả cộng đồng; lồng ghép truyền thông PCBBPNTE với các chương trình mục tiêu kinh tế - xã hội của địa phương.

2. Phạm vi

Giai đoạn 1 (2006 - 2007): Đề án tập trung ưu tiên chỉ đạo và đầu tư nguồn lực tại những địa bàn trọng điểm, những cơ sở chưa được truyền thông, khó khăn:

vùng biên giới, cửa khẩu; tỉnh đồng bằng - điều kiện kinh tế gặp nhiều khó khăn và là điểm đi của phụ nữ trẻ em bị lừa gạt; thành phố, thị xã, thị trấn, các khu trung tâm công nghiệp.

Giai đoạn 2 (2008 - 2010): Đề án sẽ nhân rộng 60 xã, phường, thị trấn, thuộc 20 tỉnh trọng điểm, với phương châm "Mọi người đều hành động phòng, chống tội phạm BBPNTE để phòng ngừa cho bản thân, gia đình và cộng đồng".

3. Đối tượng

Tập trung vào nhóm đối tượng phụ nữ, trẻ em có nguy cơ cao: phụ nữ trong độ tuổi 18 - 35 (nhóm đối tượng thiếu việc làm, có thu nhập thấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế, phụ nữ có hoàn cảnh gia đình éo le muốn thay đổi cuộc sống); nhóm nữ học sinh phổ thông trung học và phổ thông cơ sở; nhóm nữ vị thành niên, trẻ em gái lao động sớm, trẻ em lang thang.

Nhóm phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về. Đây là nhóm ưu tiên trong quá trình truyền thông nâng cao kiến thức, ý thức cảnh giác, tố giác tội phạm.

Nhóm đối tượng tác động: gia đình, người thân của nhóm đối tượng có nguy cơ cao; gia đình của những nạn nhân bị buôn bán trở về; nhóm chủ sử dụng lao động, các chủ nhà trọ; cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ chuyên môn, các ban ngành, đoàn thể, cán bộ hội phụ nữ, đội ngũ cộng tác viên, tình nguyện viên cấp cơ sở; đối tượng phạm tội BBPNTE.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện

a) Giai đoạn một 2006 - 2007:

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là: đánh giá thực trạng tình hình phụ nữ, trẻ em bị buôn bán, hiệu quả các tài liệu truyền thông về PCBPPNTE; đánh giá được hiệu quả của những mô hình đã tổ chức thực hiện tại các điểm dự án trước đây và có kế hoạch nhân rộng mô hình truyền thông, các kênh truyền thông có hiệu quả; xây dựng được các thông điệp truyền thông, nội dung truyền thông, tài liệu truyền thông; mô hình truyền thông phù hợp tại cộng đồng. Tăng cường các hoạt động truyền thông, truyền thông thay đổi hành vi tại cộng đồng; lồng ghép với các hoạt động can thiệp, hỗ trợ những nhóm phụ nữ, trẻ em có nguy cơ cao, nhóm phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về tái hòa nhập cộng đồng. Đặc biệt tập trung chỉ đạo 10 xã điểm/10 tỉnh, với phương châm là huy động nguồn lực của địa phương, ngân sách của nhà nước và khai thác nguồn hỗ trợ của các tổ chức quốc tế. Hoạt động về đào tạo, tập huấn nâng cao kiến thức, năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện đề án các cấp, đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên cơ sở về kiến thức và kỹ năng quản lý dự án; kiến thức và kỹ năng truyền thông, giáo dục, truyền thông thay đổi hành vi đối với cá nhân, gia đình và cộng đồng sẽ được tổ chức thực hiện cùng với các hoạt động giám sát, đánh giá đề án.

Để tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ, tuyên truyền viên, cộng tác viên, sẽ có các hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm giữa các địa phương về công tác truyền thông PCBPPNTE. Hoạt động đánh giá, sơ kết kết quả thực hiện đề án giai đoạn một vào cuối năm 2007.

b) Giai đoạn hai 2008 - 2010:

Nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này là: tập trung duy trì và phát triển, nâng cao hiệu quả đã đạt được của chương trình trong giai đoạn một, rút kinh nghiệm trong công tác chỉ đạo các mô hình điểm, chú trọng lồng ghép truyền thông PCBPPNTE với các chương trình, dự án có liên quan đến phụ nữ, trẻ em, với các chương trình công tác trọng tâm và phong trào thi đua yêu nước của Hội đối với các xã được thực hiện đề án, coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong công tác tuyên truyền, giáo dục của Hội; duy trì và nhân rộng mô hình truyền thông vận động, truyền thông thay đổi hành vi tại 30 tỉnh trọng điểm, hỗ trợ các hoạt động truyền thông tại cộng đồng đối với những xã còn lại để thực hiện được mục tiêu của đề án. Công tác truyền thông PCBPPNTE lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan đến phụ nữ, trẻ em, với các chương trình công tác trọng tâm và phong trào thi đua yêu nước của Hội; công tác truyền thông PCBPPNTE lồng ghép với các chương trình, dự án có liên quan đến phụ nữ, trẻ em, với các chương trình công tác trọng tâm và phong trào thi đua yêu nước của Hội.

Tiếp tục tập huấn nâng cao và tập huấn lại cho đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên cơ sở và tổ chức hội thảo chia sẻ kinh nghiệm cấp quốc gia và khu vực về truyền thông PCBBPANTE. Ban quản lý đề án các cấp sẽ tổ chức hội nghị tổng kết kết quả đề án. Trên cơ sở kết quả đánh giá đề án các cấp, ban quản lý đề án Trung ương tiến hành tổng kết đánh giá kết quả thực hiện đề án, rút ra bài học kinh nghiệm, khuyến nghị những giải pháp can thiệp tiếp tục duy trì tính bền vững của đề án trong những năm tới.

2. Cơ chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Đề án

a) Thành lập Ban Chỉ đạo:

- Trưởng Ban Chỉ đạo: Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cử một đồng chí lãnh đạo Trung ương hội làm Trưởng ban.

- Thường trực Ban Chỉ đạo: là Ban Tuyên giáo Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

- Các thành viên Ban Chỉ đạo gồm: đại diện các ban chuyên môn thuộc Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam; đại diện các Bộ, ngành Trung ương có liên quan.

- Tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Ban Chỉ đạo Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010 (theo Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg ngày 14 tháng 7 năm 2004 của

Thủ tướng Chính phủ), đồng thời là Ban Chỉ đạo Đề án; Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là cơ quan Thường trực giúp Ban Chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện Đề án ở tại địa phương.

b) Cơ chế hoạt động:

- Ban Chỉ đạo Đề án thực hiện theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Chương trình hành động phòng, chống buôn bán phụ nữ và trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010.

- Chịu trách nhiệm đề xuất kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động sau khi được Ban Chỉ đạo chương trình phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, giám sát định kỳ; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Đề án cho Ban quản lý đề án và Chính phủ.

c) Cơ chế phối hợp:

- Phối hợp với các Đề án trong Chương trình hành động phòng, chống tội phạm BBPANTE của Chính phủ thông qua việc lồng ghép các hoạt động, kiểm tra liên ngành, thực hiện tốt quy chế hoạt động của ban quản lý các cấp.

+ Phối hợp với Đề án 2 trong việc nâng cao năng lực cho cộng đồng về nâng cao ý thức cảnh giác, phòng ngừa BBPANTE; phát hiện, tố giác tội phạm; tạo dư luận lên án các hành vi BBPANTE.

+ Phối hợp với Đề án 3 trong hoạt động lồng ghép truyền thông, tư vấn giúp ổn định tâm lý, chăm sóc sức khỏe,

hỗ trợ vốn vay, dạy nghề, tạo việc làm, tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị buôn bán trở về; hỗ trợ tăng thu nhập, phát triển kinh tế cho những đối tượng có nguy cơ cao.

+ Phối hợp với Đề án 4 trong hoạt động tuyên truyền, phổ biến nội dung, luật pháp, chính sách liên quan đến phòng ngừa, đấu tranh tội phạm BBPNTTE.

d) Công tác phối hợp liên ngành:

- Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em là cơ quan quản lý nhà nước về dân số, gia đình, trẻ em, tham mưu cho Chính phủ về xây dựng luật pháp, chính sách liên quan đến dân số, gia đình, trẻ em, tổ chức phối hợp liên ngành thực hiện các chương trình quốc gia về dân số, gia đình, trẻ em.

Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em phối hợp với Hội LHPN về truyền thông PCBBPNTTE cho nhóm trẻ em gái vị thành niên, nhóm trẻ em lang thang, nhóm trẻ em bị buôn bán trở về.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực lao động và các vấn đề xã hội. Với nhiệm vụ dạy nghề, tạo việc làm, chăm lo phúc lợi xã hội, thanh tra lao động, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội được phân công chủ trì Đề án "Tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về" sẽ phối hợp với Hội LHPNVN trong lĩnh vực dạy nghề, vay vốn phát triển sản xuất, tư vấn, giúp PNTE bị buôn bán trở về ổn định tâm lý, xóa bỏ mặc cảm, hòa nhập cộng đồng.

- Bộ Công an là cơ quan đầu mối điều phối các hoạt động của đề án khác của Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ trẻ em phối hợp với Hội LHPNVN trong lĩnh vực truyền thông về âm mưu, thủ đoạn của bọn tội phạm BBPNTTE; phát hiện và tố giác tội phạm; thực hiện pháp luật về hỗ trợ PNTE bị buôn bán trở về.

- Bộ Tư pháp là cơ quan chịu trách nhiệm Đề án: "Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em" phối hợp với Hội LHPNVN trong lĩnh vực truyền thông về luật pháp, chính sách liên quan đến phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao: tăng cường chỉ đạo hệ thống các cơ quan bảo vệ pháp luật, tổ chức xét xử lưu động tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em để phục vụ cho việc tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan tổ chức đấu tranh phòng chống tội phạm BBPNTTE ở khu vực biên giới; tiếp nhận và hỗ trợ ban đầu cho số phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về qua biên giới; phối hợp với Hội LHPNVN truyền thông về PCBBPNTTE cho phụ nữ, trẻ em và người dân các tỉnh biên giới, hải đảo, phụ nữ người dân tộc thiểu số.

- Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp với Hội LHPNVN truyền thông về PCBBPNTTE trên các kênh thông tin đại chúng, chỉ đạo ngành văn hóa thông tin các cấp dọc phối hợp với Hội phụ nữ triển khai các hoạt động truyền thông trên kênh thông tin đại chúng ở cộng đồng.

- Bộ Ngoại giao phối hợp với Hội phụ nữ trong việc thông tin về quy định pháp luật nước ngoài liên quan đến việc cư trú, đi lại, làm việc, kết hôn...; tình hình phụ nữ, trẻ em Việt Nam bị buôn bán ra nước ngoài; tuyên truyền về những nỗ lực của Việt Nam trong quá trình đấu tranh phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em; phối hợp tổ chức các hoạt động chia sẻ kinh nghiệm PCBBPNTTE với các tổ chức quốc tế, các nước trong và ngoài khu vực; tiếp nhận những đối tượng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán được trở về.

- Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo ngành giáo dục, đặc biệt là các trường PTCS, THPT phối hợp truyền thông PCBBPNTTE trong học sinh, đặc biệt là học sinh nữ thông qua hoạt động ngoại khóa.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí ngân sách, hướng dẫn lập dự toán kinh phí, nghiên cứu, đề xuất các cấp có thẩm quyền có biện pháp huy động sự đóng góp kinh phí từ các nguồn khác nhau để thực hiện mục tiêu của đề án.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên (Hội Nông dân Việt Nam, Hội Liên hiệp thanh niên, Hội Cựu chiến binh...) phối hợp tuyên truyền

PCBBPNTTE đến các gia đình, đoàn viên, hội viên của tổ chức, gắn kết với các phong trào thi đua yêu nước ở cơ sở.

3. Giám sát, đánh giá

a) Giám sát:

- Thời gian:

+ Quá trình giám sát được thực hiện khi đang triển khai các hoạt động.

+ Giám sát định kỳ 3 tháng, 6 tháng, 1 năm.

- Thành phần tham gia:

+ Ban quản lý Đề án Trung ương, Ban quản lý Đề án các cấp.

+ Cán bộ thực hiện đề án các cấp

+ Các đối tượng hưởng lợi

- Nội dung giám sát:

+ Giám sát tiến độ thực hiện đề án: giám sát các hoạt động truyền thông PCBBPNTTE đã thực hiện, so sánh với kế hoạch (bao gồm cả thời gian, chất lượng hoạt động, sử dụng nguồn lực); giám sát các kết quả của từng hoạt động.

+ Giám sát hiệu quả hoạt động của đề án: hiệu quả của hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức về PCBBPNTTE; hiệu quả của xây dựng bộ công cụ truyền thông PCBBPNTTE; hiệu quả đào tạo nâng cao năng lực, xây dựng mạng lưới tuyên truyền viên PCBBPNTTE ở cơ sở; hiệu quả của mô hình PCBBPNTTE (mức độ đạt được mục tiêu, những vấn đề nảy sinh và giải pháp; những thay đổi trong

nhận thức, hành vi của các nhóm đối tượng được tác động).

+ Hoạt động giám sát được tiến hành thông qua: báo cáo định kỳ của ban quản lý đề án; quyết toán hoạt động; các cuộc họp ban quản lý đề án; họp thường kỳ hoặc đột xuất với các nhóm đối tượng; thăm, kiểm tra tại địa phương; trao đổi thông tin nhanh (điện thoại, fax, mail)

+ Báo cáo giám sát của cấp cơ sở: báo cáo định kỳ 6 tháng, từng năm.

+ Báo cáo giám sát của cấp Trung ương: báo cáo 6 tháng, từng năm.

b) Hoạt động đánh giá:

- Đánh giá đầu kỳ: trước khi thực hiện hoạt động tuyên truyền, giáo dục cộng đồng về truyền thông PCBBPNTTE sẽ tổ chức đánh giá nhanh nhận thức của cộng đồng để có cơ sở xây dựng kế hoạch, nội dung truyền thông phù hợp với các nhóm đối tượng PNTTE và có cơ sở so sánh đánh giá hiệu quả của công tác tuyên truyền, giáo dục PCBBPNTTE sau từng năm và sau từng giai đoạn. Phương pháp đánh giá là phương pháp đánh giá nhanh có sự tham gia của cộng đồng (PRA), khảo sát, điều tra xã hội học.

- Hoạt động đánh giá giữa kỳ: hoạt động này sẽ được thực hiện năm 2007 nhằm đánh giá về tiến độ, hiệu quả của đề án giai đoạn 1 (mức độ đạt được so với mục tiêu về nhận thức, nâng cao năng lực, hiệu quả bộ công cụ truyền thông và mô hình PCBBPNTTE; bài học kinh nghiệm về truyền thông PCBBPNTTE ở

cộng đồng; xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động của đề án giai đoạn 2.

- Đánh giá cuối kỳ: hoạt động này dự kiến sẽ thực hiện vào năm 2009, ngoài việc đánh giá tiến độ, hiệu quả đề án, còn tập trung đánh giá hiệu suất việc sử dụng nguồn lực cho các hoạt động truyền thông nâng cao nhận thức PCBBPNTTE, cho tài liệu truyền thông, cho hoạt động đào tạo giảng viên, tuyên truyền viên cơ sở PCBBPNTTE; đánh giá ảnh hưởng và tác động của đề án truyền thông PCBBPNTTE; Những bài học kinh nghiệm và kế hoạch duy trì tính bền vững của đề án thông qua việc lồng ghép các hoạt động truyền thông về PCBBPNTTE với các chương trình, dự án thực hiện chương trình hành động phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em của Chính phủ và các chương trình dự án khác có liên quan đến bảo vệ phụ nữ, trẻ em.

Ngoài ra có thể có đánh giá đột xuất theo yêu cầu của ban chỉ đạo các cấp, và của các bên liên quan.

V. HIỆU QUẢ VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Tính hiệu quả

Đề án tuyên truyền, giáo dục về PCBBPNTTE được thực hiện có hiệu quả, sẽ góp phần: phòng ngừa, ngăn chặn tiến tới hạn chế tình trạng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán, bảo vệ hạnh phúc gia đình; góp phần bảo vệ, tăng cường nguồn nhân

lực cho đất nước, đảm bảo trật tự an toàn xã hội, an ninh quốc gia, phòng, chống tệ nạn xã hội. Ngăn ngừa, PCBBPANTE cũng chính là thúc đẩy bình đẳng giới, thực hiện quyền phụ nữ, quyền trẻ em. Đồng thời hạn chế những chi phí trong việc hỗ trợ cho các nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng cũng như công tác đấu tranh chống tội phạm BBPANTE.

2. Tính bền vững

Đề án tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2005 đến năm 2010 có tính bền vững cao vì: những người tham gia vào đề án là những cán bộ hội phụ nữ, cán bộ các ban, ngành đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội - là những người nhiệt tình, tâm huyết, có trách nhiệm và kinh nghiệm trong việc tổ chức thực hiện các hoạt động truyền thông, vận động thu hút sự tham gia ở cộng đồng. Đây là điều hết sức quan trọng, những cán bộ này được tăng cường năng lực, sẽ lồng ghép được các hoạt động truyền thông về PCBBPANTE vào các chương trình dự án khác đang thực hiện ở địa phương, do đó đến năm 2010 khi đề án kết thúc, hoạt động truyền thông của đề án vẫn tiếp tục được duy trì và có khả năng mở rộng sang những tỉnh khác. Tổ chức Hội phụ nữ có hệ thống được duy trì tại cộng đồng là một lợi thế cho việc tiếp tục truyền thông

về PCBBPANTE. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục của đề án sẽ được lồng ghép vào các chương trình, dự án về phòng, chống tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm, phòng, chống tội phạm, tổ phụ nữ tín dụng tiết kiệm cho phụ nữ nghèo, và gắn với chương trình "Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc";

Bộ công cụ truyền thông về PCBBPANTE sẽ được tiếp tục sử dụng lồng ghép với các chương trình dự án có liên quan đến quyền phụ nữ, quyền trẻ em và các nội dung, chương trình công tác của Hội phụ nữ.

VI. KINH PHÍ HOẠT ĐỘNG

Kinh phí thực hiện Đề án gồm:

- Ngân sách trung ương; hàng năm Chính phủ dành một khoản kinh phí để thực hiện Đề án trong Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Ngân sách địa phương, hàng năm các địa phương phải cân đối bố trí một khoản ngân sách cho hoạt động tuyên truyền giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước./.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010 CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỀ ÁN

ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ TRẺ EM GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

I. TÌNH HÌNH BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM

1. Những năm vừa qua, tình hình buôn bán phụ nữ, trẻ em (PNTE) đặc biệt là buôn bán PNTE ra nước ngoài xảy ra rất phức tạp, nghiêm trọng và rất khó kiểm soát. Đến nay đã có hàng chục nghìn PNTE Việt Nam bị buôn bán ra nước ngoài với mục đích chủ yếu là bóc lột tình dục, bóc lột sức lao động hoặc bị sử dụng vào mục đích thương mại hoặc các mục đích vô nhân đạo khác. PNTE Việt Nam bị buôn bán ra nước ngoài chủ yếu là đến Trung Quốc và Campuchia, ngoài ra PNTE Việt Nam còn có thể bị bán sang các nước khác qua hình thức môi giới kết hôn với người nước ngoài (nhiều nhất là kết hôn với người Đài Loan) hoặc cho nhận con nuôi người nước ngoài ở nhiều nước khác nhau.

Tình trạng buôn bán PNTE ở trong nước cũng xảy ra ở một số tỉnh, thành phố, chủ yếu là việc lừa đảo PNTE từ nông thôn ra thành phố, thị xã để bán cho các nhà hàng, cơ sở karaoke..., ép

buộc họ làm tiếp viên nhưng thực chất là làm mại dâm.

Phần lớn số PNTE bị lừa bán là ở các vùng nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa, đặc biệt tập trung ở các tỉnh, thành phố khu vực đồng bằng sông Cửu Long, đồng bằng Bắc Bộ và một số tỉnh giáp biên giới phía Bắc, phía Tây Nam có hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, nhẹ dạ cả tin nên dễ bị lừa bán. Thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm buôn bán PNTE rất đa dạng, xảo quyệt như: dụ dỗ, lừa gạt, ép buộc, làm và sử dụng giấy tờ giả... Bọn tội phạm thường hoạt động có tổ chức, có sự câu kết chặt chẽ giữa các đối tượng, kể cả đối tượng ở nước ngoài để thực hiện các hành vi phạm tội và lợi dụng khó khăn trong công tác tuần tra, kiểm soát, quản lý, bảo vệ biên giới của lực lượng biên phòng, xuất nhập cảnh và đặc điểm tự nhiên các tuyến biên giới để đưa nạn nhân ra nước ngoài.

2. Để ngăn chặn tình trạng PNTE bị buôn bán, Bộ Công an với chức năng được giao, phối hợp với Bộ đội Biên phòng và các ngành, đoàn thể đã tiến

hành nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE, nhất là từ khi Thủ tướng Chính phủ có Chỉ thị số 766/TTg ngày 17 tháng 9 năm 1997 “về phân công trách nhiệm thực hiện các biện pháp ngăn chặn việc đưa trái phép phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài”. Tính từ năm 1998 đến năm 2004 các cơ quan chức năng đã điều tra, khởi tố 1.460 vụ, gồm 2.519 bị can; hàng ngàn PNTE là nạn nhân đã được giải thoát, hồi hương, trở lại cuộc sống bình thường. Một số tổ chức đường dây tội phạm buôn bán PNTE ra nước ngoài có quy mô khá lớn đã bị phát hiện, triệt phá. Tuy vậy, nhìn chung kết quả đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE còn có nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE trong tình hình mới.

Tình hình trên là do một số nguyên nhân chủ yếu sau đây:

- Về mặt khách quan:

+ Môi trường kinh tế thị trường và hội nhập phát triển, mâu thuẫn trong đời sống kinh tế xã hội nảy sinh, nhất là phân hóa giàu nghèo, đời sống của nhân dân khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa còn rất khó khăn, việc làm thiếu, trình độ dân trí và đời sống văn hóa còn thấp, nhiều PNTE và gia đình họ ở vào hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, bị lôi cuốn vào quá trình kiếm công ăn, việc làm ở đô thị hay nước ngoài; các tệ nạn xã hội phát triển, nhất là tệ nạn mại dâm ở cửa khẩu, ở các khu vực giáp biên giới. Mặt

khác, ở các địa phương bên kia biên giới, nhu cầu tìm vợ hoặc tìm người phục vụ trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ gia tăng đã thúc đẩy nạn buôn bán PNTE Việt Nam ra nước ngoài và sự phát triển của các tổ chức tội phạm buôn bán PNTE có tính quốc tế;

+ Do vị trí địa lý ở hai nước láng giềng phía Bắc và phía Tây Nam có tuyến biên giới dài hàng nghìn km, có nhiều đường mòn, sông, suối qua lại, nhiều cửa khẩu quốc tế, quốc gia, việc tuần tra, kiểm soát khó khăn nên bọn tội phạm triệt để lợi dụng điều kiện này để đưa PNTE ra nước ngoài mà rất khó bị phát hiện.

- Về mặt chủ quan:

+ Công tác tuyên truyền, giáo dục ở cộng đồng về pháp luật, đạo đức, lối sống còn hạn chế; chưa phổ biến sâu rộng cho nhân dân nắm được phương thức thủ đoạn hoạt động của bọn tội phạm. Sự nhẹ dạ cả tin và sự mất cảnh giác của người dân tạo điều kiện thuận lợi cho bọn tội phạm dễ dàng hoạt động. Công tác quản lý nhà nước về an toàn trật tự, nhất là quản lý biên giới, quản lý xuất nhập cảnh còn nhiều sơ hở, bất cập;

+ Các cơ quan chức năng như: Công an, Bộ đội Biên phòng còn nhiều hạn chế trong việc phát hiện, điều tra tội phạm buôn bán PNTE, nhiều vụ việc liên quan không phát hiện được kịp thời hoặc chưa điều tra triệt để, còn để lọt tội phạm, nhiều đối tượng còn ở ngoài xã hội tiếp tục phạm tội; một số vụ buôn bán PNTE

có tổ chức, xuyên quốc gia thì việc điều tra gặp nhiều khó khăn hoặc không điều tra được do không có sự phối hợp hoặc tạo điều kiện từ phía các cơ quan chức năng nước ngoài;

+ Trình độ năng lực cán bộ, chiến sĩ trong việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ, điều tra khám phá tội phạm buôn bán PNTE còn nhiều hạn chế, chưa có lực lượng chuyên trách làm nhiệm vụ đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE, kinh phí, trang thiết bị phục vụ chưa đáp ứng được yêu cầu đấu tranh với tội phạm này. Tỷ lệ điều tra, khám phá các vụ án về buôn bán PNTE chưa cao;

+ Hệ thống pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE chưa được hoàn thiện và thiếu đồng bộ; sự phối hợp giữa các cơ quan hành pháp trong nước, giữa các cơ quan chức năng liên quan của các nước có chung đường biên giới và các nước trong khu vực nhằm đấu tranh chống loại tội phạm này chưa chặt chẽ;

+ Tương trợ tư pháp hình sự giữa Việt Nam với các nước láng giềng còn hạn chế, nhất là việc trao đổi thông tin, phối hợp điều tra, bắt giữ, dẫn độ tội phạm.

Để chủ động phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE, ngày 14 tháng 7 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành

động phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE từ năm 2004 đến năm 2010 (gọi tắt là Chương trình 130/CP) bao gồm một hệ thống quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nội dung và các đề án cụ thể. Đề án “đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE” là một trong 4 đề án của chương trình 130/CP có ý nghĩa quan trọng, là đòi hỏi cấp thiết nhằm đáp ứng được yêu cầu thực tế đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE ở nước ta từ nay đến năm 2010.

II. QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, ĐỐI TƯỢNG, ĐỊA BÀN THỰC HIỆN

1. Quan điểm chỉ đạo

- Buôn bán PNTE đang trở thành một hiểm họa, gây hậu quả hết sức nghiêm trọng cho xã hội và tiềm ẩn những nhân tố xấu về an ninh, trật tự. Vì vậy, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE, làm giảm cơ bản tội phạm này là yêu cầu cấp bách trong giai đoạn hiện nay, phải tập trung chỉ đạo thực hiện.

- Công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE phải huy động được sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất của các cấp ủy đảng, chính quyền; kiện toàn và nâng cao năng lực, trách nhiệm của các cơ quan bảo vệ

pháp luật trong công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE.

- Lấy công tác phòng ngừa tội phạm là chính; kết hợp chặt chẽ giữa chủ động phòng ngừa và kịp thời phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm buôn bán PNTE, giải cứu và hồi hương nạn nhân bị buôn bán phù hợp với chính sách pháp luật hiện hành.

2. Mục tiêu của đề án

Mục tiêu chung

Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, điều tra, xử lý tội phạm buôn bán PNTE, từng bước kiểm chế và làm giảm cơ bản vào năm 2010 tình trạng phụ nữ và trẻ em bị buôn bán.

Mục tiêu cụ thể

- Từ năm 2005 - 2007: kiện toàn và nâng cao năng lực các cơ quan chuyên trách thực thi pháp luật trong công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE; triển khai đồng bộ các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh triệt phá các tổ chức, đường dây tội phạm buôn bán PNTE, tập trung chỉ đạo tại các địa bàn trọng điểm, phấn đấu làm giảm 20% tội phạm buôn bán PNTE tại các địa bàn trọng điểm.

- Từ năm 2008 - 2010: nâng cao tính chủ động và hiệu quả trong thực hiện các biện pháp phòng ngừa, điều tra xử lý nhằm tiếp tục làm giảm và giảm trên 50% tội phạm buôn bán PNTE trên phạm vi toàn quốc vào năm 2010.

3. Các nhiệm vụ

Công tác phòng ngừa

- Huy động sức mạnh toàn xã hội, tiến hành đồng bộ các biện pháp phòng ngừa xã hội và phòng ngừa nghiệp vụ nhằm ngăn chặn các hành vi phạm tội từng bước khắc phục các nguyên nhân, điều kiện của tội phạm buôn bán PNTE. Đặc biệt chú trọng công tác tuyên truyền giáo dục, nâng cao nhận thức trong các tầng lớp nhân dân, nhất là cho những đối tượng PNTE có nguy cơ cao bị buôn bán.

Công tác điều tra, xử lý

- Tăng cường công tác phát hiện, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán PNTE một cách kịp thời, triệt để, bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật; kiên quyết trấn áp, triệt phá các đường dây tội phạm buôn bán PNTE, không để chúng lộng hành; phát hiện, ngăn chặn sự hình thành các tổ chức tội phạm mới.

4. Đối tượng và địa bàn trọng điểm tập trung đấu tranh

Đối tượng đấu tranh

Đối tượng đấu tranh của đề án là các loại tội phạm buôn bán PNTE, tập trung vào một số loại sau đây:

- + Buôn bán PNTE để đưa ra nước ngoài;
- + Buôn bán PNTE có tổ chức;
- + Buôn bán PNTE có tính chất chuyên nghiệp.

Địa bàn trọng điểm tập trung đấu tranh

Công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE được triển khai trên phạm vi toàn quốc. Các địa bàn trọng điểm cần tập trung chỉ đạo, đấu tranh là những địa bàn có nhiều phức tạp về lừa gạt, vận chuyển, chuyển giao nhằm buôn bán PNTE, chủ yếu gồm các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các thành phố, thị xã thuộc các tỉnh giáp biên giới phía Bắc và phía Tây Nam, các tỉnh khu vực đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng sông Cửu Long.

III. CÁC NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Công tác nắm tình hình

- Tiến hành công tác điều tra cơ bản, nắm chắc diễn biến tình hình hoạt động của tội phạm buôn bán PNTE trên từng địa bàn và trong phạm vi toàn quốc; xác định nguyên nhân, điều kiện, dự báo xu hướng phát triển của tội phạm buôn bán PNTE đến năm 2010.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về tội phạm buôn bán PNTE và thường xuyên bổ sung, cập nhật các thông tin có liên quan.

- Tăng cường phối hợp trao đổi thông tin về tội phạm buôn bán PNTE giữa các Bộ, ngành liên quan, giữa các lực lượng nghiệp vụ từ trung ương tới cơ sở để kịp thời nắm bắt tình hình, phục vụ công tác phòng ngừa, đấu tranh.

2. Công tác phòng ngừa tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em

- Các biện pháp phòng ngừa xã hội

Phối hợp với các ngành, đoàn thể tiến hành đồng bộ các biện pháp đã được đề ra trong Chương trình 130/CP và các đề án khác của Chương trình. Trong đó cần chú ý thực hiện một số mặt công tác tại cộng đồng như:

+ Tổ chức tuyên truyền, vận động quần chúng nhân dân tham gia bảo vệ ANTT ở cơ sở; phát hiện tố giác các đối tượng có hành vi lừa gạt, buôn bán PNTE; cảm hóa giáo dục các đối tượng có quá khứ phạm tội buôn bán PNTE để giúp họ sửa chữa lỗi lầm, không tái phạm;

+ Quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ PNTE có hoàn cảnh khó khăn (như giúp tìm kiếm việc làm, giải quyết các mâu thuẫn trong gia đình, ngăn ngừa bạo lực đối với phụ nữ, trẻ em, tư vấn pháp luật...) để họ có cuộc sống ổn định, không bị bọn tội phạm lừa gạt, buôn bán;

+ Xây dựng, củng cố mối quan hệ phối hợp mật thiết giữa nhân dân với chính quyền, nhất là với cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng tại địa bàn cơ sở; thiết lập đường dây nóng, hộp thư tố giác tội phạm tại các địa bàn trọng điểm phức tạp về buôn bán PNTE.

- Các biện pháp phòng ngừa nghiệp vụ:

+ Tăng cường công tác quản lý nhà nước về an ninh trật tự trên từng địa

bàn, tập trung khắc phục các sơ hở, thiếu sót trong công tác quản lý xuất nhập cảnh, quản lý biên giới (nhất là biên giới phía Bắc và phía Tây Nam), quản lý nhân hộ khẩu, quản lý việc đăng ký kết hôn hoặc cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài, quản lý các ngành nghề kinh doanh du lịch, khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng;

+ Nâng cao hiệu quả các mặt công tác nghiệp vụ của lực lượng Công an, Bộ đội Biên phòng để chủ động nắm tình hình và có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm buôn bán PNTE. Đặc biệt phải bằng mọi biện pháp để nắm chắc các đối tượng có biểu hiện nghi vấn liên quan đến các tổ chức, đường dây tội phạm buôn bán PNTE, kể cả các đối tượng là người nước ngoài, người Việt sống ở nước ngoài thường xuyên nhập cảnh về Việt Nam và có hành vi dụ dỗ, lừa gạt buôn bán PNTE để chủ động phòng ngừa, đấu tranh;

+ Tổ chức tốt công tác trực ban hình sự, tiếp dân, giải quyết kịp thời các đơn thư tố giác tội phạm, tăng cường hoạt động tuần tra kiểm soát trên các tuyến giao thông đường bộ, đường sắt, đường thủy và địa bàn biên giới trọng điểm phức tạp.

3. Công tác điều tra, xử lý tội phạm buôn bán PNTE

- Tổ chức, hướng dẫn quần chúng, phát huy vai trò chính quyền cơ sở trong việc phát hiện, ngăn chặn kịp thời các

hành vi dụ dỗ lừa gạt buôn bán PNTE xảy ra tại cộng đồng; cung cấp các thông tin, tài liệu về tội phạm và phối hợp chặt chẽ với các cơ quan bảo vệ pháp luật trong quá trình điều tra, xử lý tội phạm buôn bán PNTE.

- Nâng cao hiệu quả công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán PNTE. Sử dụng đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ và pháp luật để phát hiện, điều tra các vụ phạm tội về buôn bán PNTE một cách khẩn trương, triệt để; kiên quyết truy bắt các đối tượng phạm tội bỏ trốn, tích cực tìm kiếm và giải cứu nạn nhân bị buôn bán. Đặc biệt phải tập trung chỉ đạo, huy động các lực lượng có liên quan, phối hợp chặt chẽ giữa Công an và Bộ đội Biên phòng để điều tra, trấn áp, triệt phá các tổ chức, đường dây tội phạm buôn bán PNTE có tính chất xuyên quốc gia và quốc tế.

- Nghiên cứu, sơ tổng kết công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán PNTE để nâng cao hiệu quả thực hiện công tác này, đồng thời qua đó đề xuất, hướng dẫn, bổ sung hoặc sửa đổi các quy phạm pháp luật có liên quan phù hợp với tình hình thực tế.

- Thực hiện tốt công tác quản lý, giáo dục các đối tượng phạm tội buôn bán PNTE trong các trại giam, cơ sở giáo dục. Khuyến khích, động viên họ tích cực cải tạo và tự giác cộng tác, giúp đỡ cơ quan Công an trong việc phát hiện, đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE ngoài xã hội.

4. Nâng cao năng lực và trình độ pháp lý cho cán bộ các cơ quan Công an, Bộ đội Biên phòng, Viện Kiểm sát, Tòa án nhân dân trong công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán PNTE

- Nghiên cứu biên soạn tài liệu và tổ chức tập huấn, nâng cao năng lực và trình độ về pháp luật và nghiệp vụ cho cán bộ trực tiếp làm nhiệm vụ điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán PNTE.

- Xây dựng lực lượng Cảnh sát chuyên trách về đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE ở Trung ương (thuộc Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an) và ở Công an các tỉnh, thành phố trọng điểm.

- Tăng cường đầu tư kinh phí, trang thiết bị, phương tiện nghiệp vụ cho lực lượng trực tiếp đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE.

5. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE

- Tổ chức triển khai thực hiện tốt các hiệp định, thỏa thuận, biên bản ghi nhớ đã ký kết giữa Việt Nam với các nước về phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE. Đặc biệt phải tăng cường công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam (Công an, Bộ đội Biên phòng) với các cơ quan liên quan của Trung Quốc, Campuchia trong việc trao đổi thông tin tài liệu về tội phạm buôn bán PNTE, kiểm soát việc qua lại biên giới, sử dụng

giấy tờ, cư trú; kịp thời phối hợp điều tra, truy tìm, bắt giữ đối tượng phạm tội, giải cứu và trao trả nạn nhân, giải quyết các vấn đề có liên quan trong các vụ án về buôn bán PNTE theo yêu cầu của mỗi bên phù hợp với luật pháp quốc gia, quốc tế và điều khoản mà hai bên đã ký kết, thỏa thuận.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực trao đổi thông tin, cấp phát giấy tờ, phát hiện giấy tờ giả, quản lý giấy tờ bị mất, phối hợp xử lý việc làm giả giấy tờ.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các chương trình, dự án hợp tác với các tổ chức quốc tế như Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), cơ quan phòng, chống ma túy và tội phạm Liên hợp quốc (UNODC), liên minh các tổ chức Liên hợp quốc về phòng, chống buôn bán người Tiểu vùng sông Mê Kông (INIAP) và các tổ chức khác có liên quan nhằm tranh thủ sự giúp đỡ về kinh nghiệm, tài chính của các tổ chức quốc tế trong lĩnh vực phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE.

- Tăng cường hợp tác giữa lực lượng Cảnh sát Việt Nam với tổ chức Cảnh sát hình sự quốc tế (INTERPOL) và Cảnh sát các nước trong khu vực trong việc phát hiện, ngăn chặn, điều tra tội phạm buôn bán PNTE ra nước ngoài và các tội phạm khác có liên quan, đồng thời mở rộng hợp tác trong lĩnh vực nghiên cứu, đào tạo, trao đổi kinh nghiệm.

IV. KINH PHÍ VÀ CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Kinh phí thực hiện

- Nguồn kinh phí thực hiện: sử dụng từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương, các địa phương và các nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật.

Nhà nước khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tài trợ cho các đề án, Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE.

- Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán đối với kinh phí của các đề án, chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

- Căn cứ yêu cầu thực tế và những quy định hiện hành, Bộ Công an lập dự toán kinh phí thực hiện tiểu dự án 1, Bộ Quốc phòng (Bộ đội Biên phòng) lập dự toán kinh phí thực hiện tiểu dự án 2, báo cáo Chính phủ phê duyệt.

2. Cơ chế, chính sách thực hiện đề án

- Thành lập Ban Chủ nhiệm đề án (do 01 đồng chí lãnh đạo Tổng cục Cảnh sát chủ trì, có một số thành viên cấp vụ, cục thuộc Bộ Công an và một số Bộ, ngành

khác tham gia) để trực tiếp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện đề án. Tại các địa phương giao cho một đồng chí là thành viên Ban Chỉ đạo 130 địa phương trực tiếp theo dõi, chỉ đạo việc thực hiện đề án tại địa phương.

Đề án thực hiện theo cơ chế lồng ghép, phối hợp với Chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm và các đề án khác của Chương trình 130.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Công an chủ trì thực hiện đề án có trách nhiệm xây dựng tiểu dự án 1 (đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE trong khu vực nội địa) nhằm thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong đề án theo phạm vi chức năng nhiệm vụ của ngành Công an, phối hợp với các Bộ, ngành được nêu trong đề án thực hiện các giải pháp theo chức năng nhiệm vụ của từng ngành. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo công an các tỉnh, thành phố, giúp Ban Chỉ đạo 130 theo dõi, đôn đốc các Bộ, ngành và địa phương thực hiện đề án và tổng hợp kết quả báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng) chủ trì xây dựng tiểu dự án 2 (đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE khu vực biên giới) nhằm triển khai thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong đề án theo chức năng,

nhiệm vụ và phạm vi địa bàn quản lý của quân đội, tập trung chủ yếu vào công tác đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE ở khu vực vùng biên giới, vùng biển đảo. Chủ trì và phối hợp với Bộ Công an xây dựng Quy chế phối hợp trong đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE giữa hai lực lượng Công an và Quân đội (BĐBP) để việc triển khai đề án đạt hiệu quả cao.

3. Đề nghị Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp cùng Bộ Công an, Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên Phòng) làm tốt công tác điều tra, truy tố, xét xử các vụ án về tội phạm buôn bán PNTE, có kế hoạch chỉ đạo và thực hiện các giải pháp khác của đề án trong thẩm quyền, chức năng, nhiệm vụ của ngành.

4. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Bộ Y tế, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức dạy nghề, giải quyết việc làm, tái hòa nhập cộng đồng cho số PNTE bị buôn bán ra nước ngoài trở về, đưa số bị mắc bệnh xã hội vào các cơ sở chữa bệnh.

5. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các Bộ, ngành khác lập kế hoạch thực hiện những nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong đề án thuộc chức năng của ngành Tư pháp, tập trung chủ yếu vào việc nghiên cứu bổ sung và từng bước hoàn chỉnh hệ thống pháp luật có

liên quan đến công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE, nhất là tội phạm buôn bán PNTE có tính quốc tế.

6. Bộ Ngoại giao phối hợp cùng Bộ Công an và các Bộ, ngành khác lập kế hoạch triển khai các nhiệm vụ và giải pháp được nêu trong đề án theo chức năng của ngành Ngoại giao, chủ yếu tập trung vào việc mở rộng và nâng cao tính hiệu quả của việc phối hợp quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE, đặc biệt là tội phạm buôn bán PNTE có tính quốc tế, tội phạm là người Việt ở nước ngoài theo đúng chính sách pháp luật của Nhà nước, phù hợp luật pháp quốc tế.

7. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư bố trí kinh phí để thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE trong dự toán kinh phí chi thường xuyên hàng năm của các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương theo đúng các quy định hiện hành của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Luật Ngân sách nhà nước.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, các tổ chức xã hội và đoàn thể quần chúng có kế hoạch phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để hướng dẫn, chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện đề án.

9. Ủy ban nhân dân và Ban Chỉ đạo 130 các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm lập kế hoạch và chỉ đạo việc triển khai thực hiện đề án tại địa phương, chọn các địa bàn chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm nhân rộng. Định kỳ 6 tháng, 1 năm có báo cáo Ban Chỉ đạo 130 về kết quả cũng như khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện đề án để kịp thời chỉ đạo giải quyết.

10. Đề nghị Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam và các tổ chức, đoàn thể xã hội, các cơ quan phát thanh, truyền hình, các phương tiện thông tin đại chúng trung ương và địa phương, các Bộ, ngành khác, các cấp chính quyền phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an, Bộ đội Biên phòng trong việc tuyên truyền, vận động giáo dục đoàn viên, hội viên và quần chúng nhân dân tích cực tham gia thực hiện đề án.

VI. ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG VÀ HIỆU QUẢ KINH TẾ XÃ HỘI

Đối tượng thụ hưởng kết quả triển khai thực hiện đề án là mọi công dân Việt Nam, các ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội đặc biệt là PNTE Việt Nam.

Hiệu quả về kinh tế xã hội của đề án

Phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm buôn bán PNTE đạt hiệu quả tốt sẽ góp phần tích cực bảo vệ PNTE, bảo đảm sự ổn định chính trị và xã hội trước mắt cũng như lâu dài, đồng thời tạo cơ sở cho việc xây dựng một xã hội công bằng, văn minh, lành mạnh, góp phần xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội. Đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán PNTE còn góp phần thực hiện chính sách đối ngoại mở cửa, hợp tác với nước ngoài về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội.

VII. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Kế hoạch trong giai đoạn 1 (2005 - 2007)

- Năm 2005:

+ Thành lập Ban Chủ nhiệm và bộ phận thường trực giúp việc Ban Chủ nhiệm đề án ở Trung ương, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chủ nhiệm, xây dựng và hoàn thiện kế hoạch cụ thể thực hiện đề án;

+ Tổ chức Hội nghị tập huấn, triển khai thực hiện đề án ở Trung ương và các tỉnh, thành phố trong toàn quốc;

+ Các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện đề án;

+ Bộ Công an phối hợp với Bộ Quốc phòng tổ chức chỉ đạo điểm thực hiện đề án tại 4 địa phương: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Tây Ninh, An Giang. Sau 1 năm có sơ kết rút kinh nghiệm để chỉ đạo chung.

- Năm 2006 - 2007:

+ Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện đề án một cách toàn diện theo kế hoạch;

+ Tổ chức sơ kết việc thực hiện đề án

trong giai đoạn 1 (cuối quý IV năm 2007).

2. Kế hoạch giai đoạn 2 (2008 - 2010)

- Ban Chủ nhiệm đề án lập kế hoạch thực hiện đề án ở giai đoạn 2 và tham mưu cho Ban Chỉ đạo 130 chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương thực hiện.

- Tổng kết việc thực hiện đề án (cuối năm 2010)./.

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010 CỦA CHÍNH PHỦ

ĐỀ ÁN

TIẾP NHẬN VÀ HỖ TRỢ PHỤ NỮ, TRẺ EM LÀ NẠN NHÂN BỊ BUÔN BÁN TỪ NƯỚC NGOÀI TRỞ VỀ GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

I. THỰC TRẠNG TÌNH HÌNH

1. Tình hình tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về

Trong những năm qua tình hình buôn bán phụ nữ, trẻ em xảy ra ngày càng phức tạp, nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng, phần lớn số phụ nữ, trẻ em bị buôn bán ra nước ngoài qua hai tuyến biên giới phía Bắc và Tây Nam. Số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về thời gian qua cũng ngày càng tăng. Theo báo cáo của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng từ năm 1999 đến tháng 12 năm 2004, đã phát hiện 127 vụ với 210 đối tượng phạm tội và hàng nghìn phụ nữ bị lừa bán trở về. Từ năm 2000 đến tháng 12 năm 2004 Trung Quốc đẩy về 2.917 trường hợp, qua phân loại có 947 đối tượng bị lừa bán, 1.970 đối tượng sang Trung Quốc trái phép với các lý do khác. Tuyến biên giới Tây Nam từ năm 2000 đến tháng 12 năm 2004 xảy ra 217 vụ với 1.395 phụ nữ, trẻ em bị lừa bán hoặc xuất cảnh trái phép sang Campuchia làm mại dâm và đã có hàng

nghìn trường hợp trở về, chủ yếu là tự về.

Tuy nhiên, thực tế số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về còn lớn hơn nhiều so với số liệu báo cáo của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, bởi điều kiện địa lý và tính chất của sự việc nên việc thống kê đầy đủ số liệu là vô cùng khó khăn. Qua phân tích số liệu khảo sát tình hình nạn nhân trở về tại một số địa phương cho thấy, hầu hết nạn nhân tự giải thoát trở về, một số khác được phía bạn trả về qua con đường chính thức và một số ít do bọn tội phạm buôn người bị tố giác, phát hiện thả ra cho về. Nhìn chung, số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về chiếm tỷ lệ rất thấp so với số phụ nữ, trẻ em bị buôn bán. Theo kết quả khảo sát ở một số địa phương, số này chỉ mới chiếm 7,9% (Báo cáo kết quả của Viện Nghiên cứu Thanh niên, NXBLĐXH, Hà Nội, năm 2004). Như vậy, còn một số lượng rất lớn số phụ nữ, trẻ em bị buôn bán vì nhiều lý do khác nhau vẫn chưa xác định được.

Theo kết quả ước tính và dự báo tiến

hành những năm qua, đến năm 2005 số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về có khoảng 10.000 người và từ năm 2006 đến năm 2010 số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về mỗi năm khoảng 1.000 người.

Thời gian qua, công tác tiếp nhận nạn nhân chủ yếu dưới hình thức không chính thức, nên việc quản lý và hỗ trợ đối tượng gặp nhiều khó khăn. Hơn nữa, Nhà nước cũng chưa có chính sách, chế độ cụ thể để hỗ trợ cho những phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Trên thực tế, các đơn vị Bộ đội Biên phòng và một số địa phương đã chủ động thực hiện việc hỗ trợ cho họ như: trợ cấp tiền ăn ở, lưu trú tạm thời tại cửa khẩu, tàu xe trở về địa phương nơi cư trú, tạo điều kiện để làm chứng minh nhân dân, nhập hộ khẩu, hỗ trợ làm nhà ở, Hội Phụ nữ đã đứng ra tín chấp cho vay vốn. Tuy nhiên, số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ mới chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Còn lại hầu hết đang gặp rất nhiều khó khăn, chưa nhận được sự quan tâm giúp đỡ của chính quyền và đoàn thể ở địa phương.

Kết quả khảo sát sơ bộ tại một số địa phương cho thấy số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về chủ yếu là ở các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa; trình độ văn hóa thấp kém; hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, không có nhà cửa, đất đai canh tác,

thường xuyên thiếu ăn, việc làm không ổn định; mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục; có tâm lý mặc cảm, xấu hổ. Một số người không làm được chứng minh nhân dân, không nhập được hộ khẩu nên việc đi lại gặp nhiều khó khăn, con cái không làm được giấy khai sinh, cộng đồng kỳ thị, phân biệt đối xử. Chính quyền địa phương chưa quan tâm giúp đỡ, tạo điều kiện để đối tượng hòa nhập cộng đồng. Bản thân đối tượng không biết cơ quan nào quản lý, giải quyết các vấn đề vướng mắc của họ.

2. Tôn tại, hạn chế:

Hầu hết nạn nhân chưa tiếp cận được với các dịch vụ và thụ hưởng các chính sách của Nhà nước như xóa đói, giảm nghèo, vay vốn, tạo việc làm, dạy nghề, trợ giúp y tế cho người nghèo, chương trình chống tái mù chữ, hỗ trợ tư pháp, bảo vệ quyền lợi, bồi thường thiệt hại kinh tế, danh dự cho nạn nhân.

Chính quyền địa phương chưa quản lý được số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về, không nắm được danh sách, con người, hoàn cảnh cụ thể của nạn nhân nên chưa có những hoạt động trợ giúp cụ thể. Sự phối hợp giữa các ngành chức năng và các tổ chức có liên quan trong và ngoài nước chưa thường xuyên và còn nhiều hạn chế.

Cán bộ các ngành, đoàn thể, địa phương đặc biệt là cấp xã, phường còn xem nhẹ công tác hỗ trợ phụ nữ, trẻ em

bị buôn bán trở về, coi đó như việc của cá nhân, gia đình nạn nhân, chưa thấy hết trách nhiệm của cộng đồng.

3. Nguyên nhân của tình hình trên:

Nhận thức của các cơ quan, chính quyền địa phương chưa đầy đủ, chưa thực sự quan tâm công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em nói chung, giúp đỡ hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về nói riêng. Công tác tuyên truyền về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em còn nhiều hạn chế, chưa tiếp cận được với nhóm đối tượng có nguy cơ cao, đặc biệt là phụ nữ, trẻ em ở vùng giáp biên, vùng sâu, vùng xa.

Phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về, đa số có hoàn cảnh khó khăn và hạn chế về mặt xã hội như: trình độ văn hóa thấp; việc làm không ổn định, thu nhập thấp; hoàn cảnh gia đình có người mắc bệnh hiểm nghèo, ốm kinh niên; thiếu đất đai canh tác. Bản thân chị em là nạn nhân do trình độ nhận thức yếu kém, thiếu hiểu biết về pháp luật cũng như các thủ đoạn lừa gạt của bọn tội phạm. Đặc biệt một số đối tượng do ăn chơi đua đòi, lười lao động lại có tư tưởng muốn hưởng thụ nên đã bị bọn tội phạm dễ dàng thực hiện hành vi phạm tội.

Hệ thống chính sách pháp luật về tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về hầu như chưa có.

Công tác điều tra, triệt phá, xử lý các

đường dây buôn bán phụ nữ, trẻ em còn nhiều hạn chế; công tác phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng của Việt Nam và các nước có chung đường biên giới còn thiếu chặt chẽ, đồng bộ dẫn đến việc trở về của nạn nhân gặp nhiều khó khăn.

Ngày 14 tháng 7 năm 2004 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/2004/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010.

Đề án **“Tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về”** (Đề án 3) của chương trình là một cơ sở pháp lý để thực hiện tốt chủ trương của Đảng và Nhà nước. Đây không chỉ là một yêu cầu cấp thiết trong thực tế mà còn thể hiện chính sách nhân đạo của Đảng, Nhà nước ta với những người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn cần sự trợ giúp của Nhà nước và xã hội.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Quan điểm

a) Phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về là nhóm chịu nhiều thiệt thòi về vật chất và tinh thần. Do đó, công tác hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về phải được coi là một nhiệm vụ của cấp ủy Đảng, chính quyền và toàn xã hội.

b) Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi để phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về hòa nhập cộng đồng. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, chính sách, khuyến khích mọi hình thức hỗ trợ cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về. Tăng cường phối hợp liên ngành, huy động sự tham gia của các ngành, đoàn thể và toàn xã hội.

c) Đầu tư cho công tác hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về là đầu tư góp phần tạo ra sự phát triển bền vững của đất nước, giữ vững an ninh trật tự an toàn xã hội, mang lại hiệu quả kinh tế xã hội.

2. Mục tiêu của Đề án

a) Mục tiêu tổng quát:

Thực hiện chính sách nhân đạo xã hội; góp phần ngăn ngừa và làm giảm cơ bản tình trạng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán; tạo điều kiện để phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tiếp cận được các dịch vụ pháp lý, y tế, giáo dục, xã hội, tạo việc làm, ổn định cuộc sống, hòa nhập cộng đồng, góp phần nâng cao vị thế người phụ nữ.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Đến năm 2007 phát hiện, tiếp nhận và hỗ trợ các dịch vụ ban đầu cho 70% phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

- Đến năm 2007, 50% phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về được hỗ trợ chữa trị, dạy nghề, tạo

việc làm phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương.

- Đến năm 2010, 90% phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về được tiếp nhận, hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng với các hình thức phù hợp.

3. Phạm vi và đối tượng của đề án

a) Phạm vi:

Đề án được thực hiện trên phạm vi cả nước, trong đó ưu tiên chỉ đạo và đầu tư nguồn lực cho các vùng, địa phương trọng điểm.

b) Đối tượng:

Phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về và gia đình họ trong đó ưu tiên nhóm đối tượng bị thiệt thòi, yếm thế sau:

- Trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn;

- Phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về là người đơn thân không còn khả năng lao động mà không còn người thân chăm sóc;

- Phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về không còn điều kiện để tự tạo lập cuộc sống;

- Phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về là thành viên của các gia đình thuộc hộ nghèo, xã nghèo theo quy định.

III. NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Tổ chức tiếp nhận và hỗ trợ ban đầu cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

a) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có cửa khẩu biên giới thành lập bộ phận tiếp nhận phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về do Bộ đội Biên phòng làm chủ trì và các ngành liên quan là thành viên như: Công an, Y tế, Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Hội Phụ nữ. Bộ phận này hoạt động khi có yêu cầu của Bộ đội Biên phòng trong những trường hợp cần thiết và theo chế độ kiêm nhiệm.

b) Tiếp nhận và hỗ trợ ban đầu cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về:

- Đối với nạn nhân từ các nước có chung biên giới trên bộ với nước ta: Bộ đội Biên phòng chủ trì tổ chức tiếp nhận phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về qua các hình thức tại các đồn Biên phòng, cửa khẩu biên giới.

- Đối với nạn nhân từ các nước không chung biên giới trên bộ với nước ta: Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao làm các thủ tục tiếp nhận đối tượng phụ nữ, trẻ em bị buôn bán trở về.

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn các địa phương liên quan tiếp nhận người trở về. Thời gian tối đa cho

đối tượng ở tại nơi tiếp nhận ban đầu không quá 15 ngày.

+ Tiến hành các thủ tục ban đầu như: lập biên bản tiếp nhận, kiểm tra tư trang, hành lý mang theo. Phỏng vấn làm rõ nhân thân, lai lịch, lý do bị lừa bán cũng như những tâm tư nguyện vọng của nạn nhân; đối tượng phạm tội, phương thức, thủ đoạn của chúng...

+ Lập hồ sơ cá nhân của từng nạn nhân để quản lý, thống kê, theo dõi, tổ chức xác minh, phối hợp với chính quyền địa phương, cơ quan chức năng tạo điều kiện giúp đỡ đưa họ trở về hòa nhập cộng đồng; tổ chức tư vấn về các dịch vụ hỗ trợ như y tế, học nghề, hòa nhập cộng đồng.

+ Thu thập các thông tin về hoạt động của tội phạm để có kế hoạch chủ động đấu tranh; phối hợp trao đổi với các cơ quan chức năng trong nước và nước ngoài để chủ động phòng ngừa, đấu tranh.

+ Tổ chức hoạt động khám chữa bệnh ban đầu cho nạn nhân.

c) Tổ chức phân loại, bàn giao đối tượng:

- Đối với những đối tượng thuộc diện đưa vào cơ sở chữa bệnh và những đối tượng lang thang, cơ nhỡ không nơi nương tựa thì Bộ đội Biên phòng lập biên bản bàn giao cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội.

Những đối tượng được xác định có

hành vi bán dâm hoặc nghiện ma túy thì được chuyển vào Trung tâm Chữa bệnh - Giáo dục và Lao động xã hội. Chế độ cho đối tượng trong thời gian ở Trung tâm được áp dụng như đối với người đang chấp hành quyết định đưa vào cơ sở chữa bệnh tại cơ sở chữa bệnh đó kinh phí do ngân sách nhà nước chi trả.

Những người được xác định là đối tượng lang thang, cơ nhỡ không nơi nương tựa, không xác định được nhân thân thì được chuyển vào Trung tâm Bảo trợ xã hội. Chế độ cho đối tượng trong thời gian ở Trung tâm được áp dụng như đối với các đối tượng khác ở Trung tâm Bảo trợ xã hội; căn cứ nguyện vọng của đối tượng và điều kiện cụ thể, Trung tâm hỗ trợ, giúp đỡ đối tượng được lựa chọn nơi cư trú, ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng.

Tại các cơ sở này phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về được khám chữa bệnh, tiếp tục xác minh các thông tin về nạn nhân và liên hệ với thân nhân và chính quyền địa phương, cơ sở nơi đối tượng trở về cư trú.

- Đối với những đối tượng được xác định là tội phạm thì Bộ đội Biên phòng tiến hành điều tra theo thẩm quyền quy định của pháp luật, chuyển giao cho Viện Kiểm sát truy tố trước pháp luật hoặc chuyển giao cho lực lượng Công an tiếp nhận để tiến hành thực hiện các hoạt động nghiệp vụ tiếp theo

- Ngoài hai nhóm đối tượng trên, đối

với những đối tượng còn lại xác định được địa chỉ cụ thể thì đưa trở về nơi cư trú, nếu là trẻ em phải có người thân của gia đình tới nhận đưa về. Bộ đội Biên phòng thông báo cho ngành Lao động - Thương binh và Xã hội và chính quyền địa phương nơi nạn nhân cư trú, sinh sống, tiến hành gặp gỡ, làm việc với gia đình để có kế hoạch hỗ trợ cho nạn nhân khi trở về.

d) Hỗ trợ kinh phí cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tiền ăn ở, khám chữa bệnh ban đầu, quần áo, tiền tàu xe đi lại, tiền ăn đường để trở về địa phương nơi đối tượng cư trú.

2. Thực hiện đồng bộ các hoạt động hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tại cộng đồng.

a) Tất cả các đối tượng phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về địa phương cư trú đều được hưởng các chế độ hỗ trợ, giáo dục để ổn định cuộc sống, tái hòa nhập cộng đồng.

b) Trợ giúp đối tượng trong việc làm giấy chứng minh nhân dân, nhập hộ khẩu, xóa mù chữ, làm giấy khai sinh, cho trẻ em đi học... Tùy từng đối tượng và khả năng của từng địa phương mà hỗ trợ đối tượng đất đai canh tác, làm nhà ở...

c) Tổ chức thống kê, phân loại trình độ, xác định nhu cầu học nghề, tìm việc làm của đối tượng. Tùy theo số lượng, điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng đối

tượng và khả năng của địa phương mà tổ chức các lớp dạy nghề cho phù hợp. Việc tổ chức dạy nghề cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về do hệ thống các trung tâm dạy nghề tại địa phương thực hiện.

d) Tạo việc làm cho đối tượng được tổ chức linh động phù hợp với điều kiện hoàn cảnh cụ thể của từng đối tượng và khả năng của địa phương. Việc làm cho đối tượng có thể được tổ chức tại gia đình hoặc cộng đồng hoặc cơ sở sản xuất kinh doanh ở địa phương.

đ) Tạo điều kiện hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tiếp cận với các nguồn vốn vay được thực hiện thông qua tổ chức Hội Phụ nữ các cấp. Phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về là một trong những đối tượng được ưu tiên trong việc tiếp cận với các nguồn vốn vay của địa phương. Đặc biệt là từ nguồn Quỹ Phụ nữ nghèo do Chính phủ hỗ trợ Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập.

e) Trợ cấp cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về kinh phí để hòa nhập cộng đồng. Tổ chức hướng dẫn đối tượng tiếp cận với các dịch vụ hỗ trợ cách sử dụng vốn vay một cách hiệu quả. Tổ chức dịch vụ tư vấn pháp luật, y tế, giáo dục và các dịch vụ xã hội khác.

g) Đa dạng hóa các mô hình hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ

nước ngoài trở về. Xây dựng các mô hình hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về tại các cộng đồng, cụm dân cư với sự tham gia của các tổ chức kinh tế xã hội, cơ sở tôn giáo và đông đảo các tầng lớp quần chúng nhân dân. Thực hiện thí điểm mô hình dịch vụ hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về dựa vào cộng đồng để tiếp cận với các dịch vụ y tế, xã hội tại địa phương. Trong ba năm 2005 - 2007, tiến hành thí điểm 12 điểm tại 6 tỉnh, thành phố trọng điểm ở 3 khu vực có số lượng lớn phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

3. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của chính quyền các cấp và người dân về tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về, tổ chức tốt việc phòng ngừa và hòa nhập cộng đồng bền vững.

a) Tuyên truyền, giáo dục cho cộng đồng về công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em. Tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục thường xuyên, dưới nhiều hình thức, rộng khắp trong cả nước, đặc biệt là ở các vùng, địa phương trọng điểm nhằm nâng cao hiểu biết, ý thức trách nhiệm, nghĩa vụ của mọi ngành, mọi cấp, cộng đồng và từng gia đình đối với công tác tiếp nhận, hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Gắn việc thực hiện hoạt động của Đề án này với Đề án Tuyên truyền, giáo dục trong cộng

đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em (Đề án 1).

b) Thực hiện các hoạt động hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về gắn với việc xây dựng gia đình văn hóa, xây dựng xã phường lành mạnh không có tệ nạn xã hội.

c) Lồng ghép các hoạt động hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về với các chương trình, dự án khác có liên quan. Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ việc thực hiện các hoạt động của Đề án với các đề án khác của Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và với Chương trình phòng, chống AIDS; phòng, chống tệ nạn mại dâm; phòng, chống ma túy; dạy nghề, xóa đói, giảm nghèo, giải quyết việc làm... để nâng cao hiệu quả xã hội của các chương trình và Đề án.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự chỉ đạo của chính quyền các cấp và sự tham gia tích cực của các đoàn thể, tổ chức xã hội và cộng đồng trong việc tổ chức thực hiện tốt chính sách, tạo phong trào hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về, đặc biệt là những vùng đông đối tượng, vùng sâu, vùng xa.

2. Thực hiện đồng bộ các giải pháp, xã hội hóa công tác hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về

dựa vào cộng đồng. Huy động nguồn lực tại chỗ để hỗ trợ, giúp đỡ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Lồng ghép công tác hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về với việc thực hiện các đề án khác của Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và với các chương trình kinh tế - xã hội khác có liên quan (phòng, chống tệ nạn xã hội; dạy nghề; xóa đói, giảm nghèo và việc làm...) và xây dựng làng văn hóa tại địa phương. Khuyến khích các hoạt động tự nguyện, nhân đạo. Vận động các tổ chức, cá nhân có những hoạt động thiết thực cho đối tượng.

3. Tăng cường các hoạt động quản lý biên giới, cửa khẩu. Chính quyền địa phương tăng cường công tác quản lý địa bàn, quản lý nhân khẩu, hộ khẩu ở khu vực nông thôn, địa bàn giáp biên, vùng sâu, vùng xa. Tiến hành điều tra, rà soát, thống kê, phân loại đối tượng. Thiết lập hệ thống thông tin về công tác hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

4. Xây dựng, tăng cường và củng cố tổ chức, lực lượng làm nhiệm vụ tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác này để thực hiện các hoạt động tiếp nhận và hỗ trợ cụ thể cho từng loại đối tượng ở địa phương cho phù hợp.

5. Nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tiếp

nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về cho khả thi, phù hợp với điều kiện thực tế của cơ sở.

6. Tăng cường và mở rộng hợp tác quốc tế về tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về nói riêng và trong lĩnh vực phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em nói chung.

Tham gia các điều ước quốc tế về trao trả, tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cơ chế điều hành

Thành lập Ban Chủ nhiệm Đề án để trực tiếp quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện Đề án, bao gồm:

- Chủ nhiệm (Trưởng ban) là một đồng chí lãnh đạo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

- Phó Chủ nhiệm là một đồng chí lãnh đạo Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;

- Các thành viên là lãnh đạo các Bộ, ngành liên quan như: Bộ Công an, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam và Cục trưởng Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Cục trưởng Cục Trinh sát - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng;

- Thường trực: Cục Phòng, chống tệ nạn xã hội - Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đề án thực hiện theo cơ chế lồng ghép phối hợp với các Đề án khác của Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010.

2. Phân công trách nhiệm

a) Tại Trung ương:

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các ngành liên quan xây dựng chính sách, pháp luật về hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; phối hợp với Bộ Công an tổ chức thống kê, điều tra, khảo sát đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động tiếp nhận và hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; chỉ đạo các địa phương xây dựng các mô hình thí điểm tại cộng đồng; chỉ đạo các địa phương thực hiện các hoạt động tiếp nhận đối tượng do Bộ đội Biên phòng bàn giao, tổ chức dạy nghề, vay vốn, tạo việc làm hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chỉ đạo Ngân hàng Chính sách xã hội trong việc hỗ trợ vốn vay cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; thực hiện các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; giúp Chính phủ thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực này.

- Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chủ trì, tổ chức tiếp nhận, phân loại và hỗ trợ ban đầu cho số phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về; phối hợp với các ngành liên quan tổ chức bàn giao đối tượng cho các cấp, các ngành liên quan ở địa phương; thực hiện các dự án, chương trình hợp tác quốc tế về tiếp nhận phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; bố trí nơi tiếp nhận ban đầu tại các Đồn biên phòng. Lập dự toán kinh phí hàng năm đảm bảo cho các hoạt động tiếp nhận và hỗ trợ ban đầu.

- Bộ Công an là cơ quan đầu mối điều phối hoạt động của các đề án khác của Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em cho đồng bộ với các hoạt động của Đề án này. Điều tra, phát hiện thống kê số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện chính sách, pháp luật về hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về liên quan đến nhiệm vụ của ngành mình.

- Bộ Tư pháp chỉ đạo địa phương thực hiện các hoạt động trợ giúp pháp lý cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về; phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiếp nhận, hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính bố trí ngân sách cho Đề án

này trong kế hoạch kinh phí hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt. Xây dựng cơ chế hỗ trợ các địa phương khó khăn về ngân sách trong việc xây dựng, nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội để hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

- Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; thực hiện kiểm tra việc quản lý sử dụng kinh phí đúng mục đích; nghiên cứu, đề xuất trình cấp có thẩm quyền các biện pháp huy động đóng góp kinh phí từ các nguồn khác nhau ở trong và ngoài nước để hỗ trợ Đề án.

- Bộ Ngoại giao phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về mặt chính trị, đối ngoại trong lĩnh vực hợp tác với nước ngoài, tiếp nhận và hỗ trợ trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

- Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em chỉ đạo cơ quan Dân số, Gia đình và Trẻ em các địa phương phối hợp với các ngành chức năng ở địa phương thực hiện việc tiếp nhận, hỗ trợ đối với trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

- Bộ Y tế chỉ đạo ngành y tế địa phương các tỉnh có biên giới cửa khẩu phối hợp với Bộ đội Biên phòng trong việc khám chữa bệnh ban đầu cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tại các Đồn biên phòng biên

giới cửa khẩu; chỉ đạo ngành y tế các địa phương thực hiện công tác khám chữa bệnh và cung cấp các dịch vụ y tế cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

- Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam chỉ đạo các cấp Hội tổ chức cho chị em phụ nữ là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tham gia sinh hoạt Hội; giúp đỡ tín chấp cho chị em vay vốn từ các nguồn vốn sẵn có ở địa phương đặc biệt là từ Quỹ phụ nữ nghèo; tổ chức các hoạt động tuyên truyền nâng cao nhận thức của phụ nữ và cộng đồng.

b) Tại địa phương:

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm:

- Tổ chức thống kê, phân loại, quản lý số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; quản lý địa bàn, hỗ trợ đối tượng trên thuộc địa phương; nâng cao vai trò, trách nhiệm của gia đình trong việc bảo vệ, chăm sóc và giáo dục các thành viên;

- Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy nghề, vay vốn, tạo việc làm hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về;

- Tổ chức thực hiện các chính sách, chế độ cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về; tạo mọi điều kiện huy động nguồn lực của địa phương để giúp phụ nữ, trẻ em là nạn

nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về ổn định cuộc sống;

- Chỉ đạo các ngành chức năng tại địa phương hướng dẫn các tổ chức và cá nhân thực hiện các hoạt động hỗ trợ về pháp lý, y tế, xã hội cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về;

- Lập dự toán kinh phí, bố trí ngân sách hàng năm đảm bảo việc hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về theo qui định của pháp luật về ngân sách nhà nước; chỉ đạo, hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp dưới, cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội và các ngành chức năng ở địa phương xây dựng và tổng hợp kế hoạch kinh phí để hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về;

- Tổ chức tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Đề án, định kỳ báo cáo về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp báo cáo Chính phủ.

3. Tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng chủ trì thực hiện các hoạt động kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Đề án. Xem xét các báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về thực hiện Đề án. Thành lập các đoàn giám sát thực hiện Đề án ở địa phương.

VI. HIỆU QUẢ VÀ TÍNH BỀN VỮNG CỦA ĐỀ ÁN

1. Hiệu quả của Đề án

a) Có được một hệ thống cơ chế chính sách, pháp luật về hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về và những mô hình hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về dựa vào cộng đồng. Nâng cao được trình độ đội ngũ cán bộ xã hội các cấp, các ngành về hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về.

b) Huy động được sự tham gia của toàn xã hội, góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm, hiểu biết của các gia đình, cộng đồng trong hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về, đảm bảo mọi phụ nữ, trẻ em có cơ hội được thực hiện các quyền cơ bản của mình.

c) Nâng cao điều kiện sống, dạy nghề, tạo công ăn việc làm cho phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về, góp phần xóa đói, giảm nghèo; tạo điều kiện cho 90% số phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về được tiếp cận với các dịch vụ y tế, xã hội.

d) Đề án được triển khai sẽ góp phần tạo ra sự phát triển ổn định, bền vững của đất nước, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, mang lại hiệu quả xã hội trực tiếp và gián tiếp.

2. Tính bền vững của Đề án

a) Đề án do Bộ Lao động - Thương binh

và Xã hội chủ trì với sự tham gia thực hiện trực tiếp của các ngành, địa phương trong hệ thống tổ chức sẵn có đã tạo sự thuận lợi và ổn định lâu dài cho công tác phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em nói chung, Đề án này nói riêng.

b) Căn cứ vào Đề án tổng thể được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các địa phương, ngành xây dựng kế hoạch chi tiết cho từng năm. Kế hoạch đảm bảo đáp ứng nhu cầu cụ thể từ thực tế của các địa phương và tính mục đích, định hướng hoạt động của Đề án.

c) Các hoạt động của Đề án đều do cơ quan trực tiếp quản lý nhà nước về lĩnh vực này, các đơn vị cung cấp dịch vụ cho phụ nữ, trẻ em (NGOs, các ngành liên quan...) và phụ nữ, trẻ em thực hiện.

d) Ngân sách nhà nước được sử dụng như nguồn xúc tác, hỗ trợ ban đầu trên cơ sở đó huy động các nguồn khác để mở rộng và duy trì lâu dài. Các chế độ, chính sách hỗ trợ trực tiếp cho nạn nhân được thực hiện phối hợp với các chế độ, chính sách, chương trình liên quan ở địa phương.

VII. KINH PHÍ, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Nguồn kinh phí

Kinh phí thực hiện Đề án này được huy động từ nhiều nguồn:

a) Ngân sách trung ương, hàng năm

Chính phủ dành một khoản kinh phí để thực hiện Đề án trong Chương trình phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, hỗ trợ có mục tiêu cho các nhiệm vụ trọng tâm của Đề án.

b) Ngân sách địa phương, hàng năm địa phương phải chủ động xây dựng kế hoạch, bố trí ngân sách cho hoạt động hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về tại địa phương; kết hợp lồng ghép với các chương trình, dự án khác.

c) Viện trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài và ủng hộ, quyên góp của các tổ chức, đơn vị cá nhân trong cả nước...

Vốn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội lập kế hoạch phân bổ, trình Chính phủ quyết định và trực tiếp chỉ đạo tổ chức thực hiện.

2. Tiến độ thực hiện

a) Giai đoạn I (2005 đến 2007):

Năm 2005:

- Thành lập Ban Chủ nhiệm và bộ phận thường trực giúp việc Ban Chủ nhiệm Đề án ở Trung ương, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chủ nhiệm, xây dựng và hoàn thiện kế hoạch cụ thể thực hiện Đề án.

- Tổ chức Hội nghị tập huấn, triển khai thực hiện Đề án ở các địa phương trong toàn quốc.

- Chỉ đạo các địa phương xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện Đề án.

- Phối hợp với Bộ Công an tiến hành điều tra thống kê tình hình phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về trên toàn quốc.

- Lựa chọn 12 điểm của 6 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để triển khai các hoạt động thí điểm mô hình dịch vụ hỗ trợ phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về dựa vào cộng đồng.

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cùng Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng tổ chức chỉ đạo nâng cấp nơi tiếp nhận phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về tại 6 tỉnh trọng điểm: Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Tây Ninh, An Giang và Đồng Tháp.

Năm 2006:

- Tiếp tục chỉ đạo các địa phương thực hiện Đề án một cách toàn diện theo kế hoạch.

- Tổ chức sơ kết việc thực hiện Đề án trong giai đoạn I (cuối quý IV năm 2006).

b) Giai đoạn II (2007 đến 2010):

- Ban Chủ nhiệm Đề án lập kế hoạch thực hiện Đề án ở giai đoạn II và tham mưu cho Ban Chỉ đạo CT 130/CP chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương thực hiện.

- Tổng kết việc thực hiện Đề án (cuối quý IV năm 2010).

**CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
PHÒNG, CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ, TRẺ EM
TỪ NĂM 2005 ĐẾN NĂM 2010 CỦA CHÍNH PHỦ**

ĐỀ ÁN

**XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG VĂN BẢN
PHÁP LUẬT LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC PHÒNG NGỪA,
ĐẤU TRANH CHỐNG TỘI PHẠM BUÔN BÁN PHỤ NỮ VÀ TRẺ EM
GIAI ĐOẠN 2005 - 2010**

Phần thứ nhất

**SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG
ĐỀ ÁN**

**I. THỰC TRẠNG HỆ THỐNG VĂN
BẢN PHÁP LUẬT VỀ NGĂN NGỪA,
ĐẤU TRANH CHỐNG BUÔN BÁN
PHỤ NỮ, TRẺ EM, NHỮNG HẠN
CHẾ, BẤT CẬP VÀ NHU CẦU
HOÀN THIỆN**

Buôn bán phụ nữ và trẻ em đang là một thách thức không chỉ đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam mà đã trở thành một vấn đề nạn mang tính toàn cầu, thu hút sự quan tâm đặc biệt của các quốc gia, các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ và những người có lương tri trên toàn thế giới. Trong nhiều giải pháp nhằm chống lại nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em thì các vấn đề liên quan đến hệ thống pháp luật luôn là một trong những vấn đề được đặt lên hàng đầu. Trong những năm gần đây, để tăng cường đấu tranh có hiệu quả với nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em,

Đảng và Nhà nước ta đã ban hành nhiều chính sách và văn bản pháp luật nhằm phòng ngừa, ngăn chặn, trừng trị các tội phạm này. Chúng ta đã xây dựng được một khung pháp luật nhằm bảo vệ quyền con người nói chung và quyền của phụ nữ và trẻ em nói riêng. Hiến pháp nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm con người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em. Các văn bản pháp luật đã được xây dựng và từng bước hoàn thiện, tạo cơ sở pháp lý cho việc xử lý mọi hành vi lạm dụng tình dục, vi phạm quyền của phụ nữ và trẻ em, buôn bán phụ nữ, trẻ em. Mặc dù không có một đạo luật riêng về chống buôn bán phụ nữ và trẻ em nhưng nhiều văn bản pháp luật của chúng ta đã hàm chứa các quy định về vấn đề này như Bộ luật Hình sự, Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính, Pháp lệnh Phòng chống mại dâm, Pháp lệnh Xuất cảnh, nhập cảnh, Luật Hôn nhân và gia đình và hàng loạt văn bản có liên quan dưới góc độ phòng ngừa, ngăn chặn, trừng trị nghiêm khắc tội phạm mua bán phụ nữ, trẻ em cũng như bảo vệ, hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân tái hòa nhập cộng đồng.

Tuy nhiên, trước diễn biến có chiều hướng ngày càng phức tạp, nghiêm trọng và có xu hướng gia tăng của loại tội phạm này, hệ thống văn bản pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em đã bộc lộ một số bất cập, thiếu sót, làm hạn chế hiệu quả của công tác phòng, chống loại tội phạm này. Có thể nêu một số hạn chế, bất cập sau đây:

1. Về các quy định liên quan đến việc điều tra, truy tố, xét xử các hành vi buôn bán phụ nữ, trẻ em:

Bộ luật Hình sự Việt Nam được sửa đổi, bổ sung năm 1999 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã quy định một cách tương đối toàn diện, cụ thể phần lớn các tội phạm thường xảy ra trong quá trình buôn bán phụ nữ, trẻ em. Bên cạnh việc quy định tội mua bán phụ nữ (Điều 119) và tội mua bán, đánh tráo hoặc chiếm đoạt trẻ em (Điều 120), Bộ luật Hình sự còn quy định các tội danh có thể được áp dụng để trừng trị những hành vi tiếp tay, hỗ trợ cho các hoạt động buôn bán phụ nữ, trẻ em. Tuy nhiên, trong điều kiện mở cửa và hội nhập, mở rộng hợp tác kinh tế quốc tế, các hành vi tội phạm ngày càng trở nên đa dạng, tinh vi, xảo quyệt hơn, chưa được đề cập kịp thời; mặt khác, cũng còn những hành vi như buôn bán nam giới; các tội phạm liên quan đến cưỡng bức lao động, các tội phạm liên quan đến việc cho, nhận nuôi con nuôi trái pháp luật v.v... chưa được quy định trong pháp luật hình sự cần được nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung. Bộ luật Tố tụng hình sự được sửa đổi năm 2003 đã bổ sung nhiều quy định mới,

quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc bảo vệ người bị hại, nhân chứng và những người tham gia tố tụng khác, quyền của nhân chứng được yêu cầu bảo vệ, việc bảo vệ nhân chứng tại phiên tòa, là một tiến bộ của pháp luật tố tụng hình sự nước ta, tuy nhiên, những quy định về bảo vệ nạn nhân và nhân chứng đa phần mới chỉ dừng ở mức nguyên tắc, chưa cụ thể, do vậy, các quy định liên quan đến pháp luật tố tụng hình sự vẫn cần tiếp tục được nghiên cứu, hoàn thiện để giúp cơ quan điều tra khắc phục được điều khó khăn lớn nhất hiện nay là phát hiện, thu thập chứng cứ để xác minh, làm rõ tình tiết của vụ án buôn bán phụ nữ, trẻ em, tạo thuận lợi cho việc truy tố, xử lý nghiêm minh các vụ án buôn bán phụ nữ, trẻ em, bảo vệ nhân chứng, người bị hại.

Pháp luật xử lý vi phạm hành chính, pháp luật dân sự cũng đã có các quy định xử lý những hành vi liên quan đến buôn bán phụ nữ, trẻ em chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và bồi thường thiệt hại những tổn thất cho nạn nhân của tội phạm này, song một số quy định còn chung chung, chưa có hướng dẫn cụ thể hoặc đã lạc hậu, không phù hợp. Đây cũng là vấn đề cần thiết phải được nghiên cứu, sửa đổi để nâng cao tính hiệu quả của các chế tài hành chính, dân sự đối với các hành vi liên quan đến buôn bán phụ nữ, trẻ em.

2. Về các quy định của pháp luật liên quan đến vấn đề hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng các nạn nhân bị buôn bán:

098413
www.ThuVienPhapLuat.com
Tel: +84-8-3845 6684

Hiện nay chúng ta chưa có những quy định riêng biệt về thủ tục hồi hương các nạn nhân bị buôn bán. Thay vào đó, mới chỉ có một văn bản pháp lý quy định về việc hồi hương công dân Việt Nam xuất cảnh trái phép không được nước ngoài cho cư trú là Chỉ thị số 747/TTg ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, các quy định về việc hồi hương theo Chỉ thị này hết sức "chặt" về đối tượng và thủ tục, lại áp dụng chung cho việc hồi hương người Việt Nam xuất cảnh trái phép không được nước ngoài cho cư trú, nghĩa là bao gồm cả việc hồi hương đối tượng người di cư trái phép. Do vậy, các quy định này chưa thực sự phù hợp đối với việc hồi hương nạn nhân bị buôn bán và hầu như không được áp dụng cho việc hồi hương nạn nhân. Trên thực tế, việc hồi hương nạn nhân thường được thực hiện thông qua những trao đổi, thỏa thuận về từng vụ việc cụ thể với các nước có liên quan mà chưa có cơ sở pháp lý toàn diện cho vấn đề này. Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện các quy định pháp luật về hồi hương nạn nhân bị buôn bán là yếu tố không thể thiếu trong việc hoàn thiện pháp luật chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Việc tái hòa nhập cộng đồng các nạn nhân bị buôn bán cũng đã được đề cập đến trong một số văn bản pháp luật hiện hành như Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Chỉ thị số 766/TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 17 tháng 9 năm 1997 về phân công trách nhiệm thực hiện các

biện pháp ngăn chặn việc đưa trái phép phụ nữ, trẻ em ra nước ngoài, Quyết định số 19/2004/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm phạm tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004 - 2010 v.v... Tuy nhiên, pháp luật hiện hành chưa có một văn bản hoặc một hệ thống văn bản toàn diện về lĩnh vực này mà mới quy định lẻ tẻ, rải rác hoặc lồng ghép trong một số văn bản về các lĩnh vực khác, các quy định hiện hành cũng mới chỉ đề cập một cách gián tiếp vấn đề tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị buôn bán hoặc dừng lại ở chủ trương, chính sách, còn thiếu cụ thể v.v... Do vậy, việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật về tái hòa nhập cộng đồng cho nạn nhân bị buôn bán là một yêu cầu bức thiết trong việc hoàn thiện pháp luật chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

3. Các quy định của pháp luật về phòng ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em:

Về các quy định của pháp luật nhằm bảo vệ các quyền con người và phòng ngừa sự phát sinh, phát triển các nguyên nhân và điều kiện dẫn đến tệ buôn bán phụ nữ và trẻ em, có thể nói, nhìn chung, chúng ta đã có một khung pháp luật tương đối đầy đủ về vấn đề này. Các quy định của pháp luật từ Hiến pháp, Luật Hôn nhân gia đình, Bộ luật Lao động, Luật Giáo dục, Luật Bảo vệ sức

khỏe nhân dân... đã quy định một cách toàn diện trong việc bảo đảm quyền bình đẳng và không phân biệt đối xử, quyền được học tập, hưởng thụ văn hóa v.v... của mọi công dân; quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, nghĩa vụ của cha mẹ trong việc giáo dục và nuôi dưỡng con cái, quy định chặt chẽ về cho nhận con nuôi... nhằm bảo vệ các quyền của con người nói chung, của phụ nữ và trẻ em nói riêng. Tuy nhiên, một số quy định vẫn còn chung, thiếu cơ chế bảo đảm thực hiện, cần thiết phải được bổ sung, cụ thể hóa; bên cạnh đó, vẫn còn một số kẽ hở, thiếu sót trong một số lĩnh vực pháp luật cần khắc phục như lĩnh vực kết hôn với người nước ngoài, cho nhận con nuôi người nước ngoài, sử dụng lao động, xuất khẩu lao động v.v... để ngăn ngừa các nguyên nhân, hoàn cảnh, điều kiện dẫn đến tệ nạn buôn bán người.

4. Về các quy định của pháp luật liên quan đến hợp tác quốc tế và khu vực trong đấu tranh chống buôn bán người:

Do tính chất "xuyên quốc gia" của tội buôn bán phụ nữ và trẻ em, việc truy cứu trách nhiệm đối với bọn tội phạm không thể tiến hành được nếu chỉ giới hạn trong phạm vi lãnh thổ của một quốc gia mà cần phải có sự hợp tác song phương và đa phương giữa các cơ quan chức năng của các quốc gia hữu quan. Chính vì vậy, vấn đề hợp tác quốc tế trong đấu tranh phòng, chống tệ nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em là hết sức quan trọng. Việt Nam đã ký kết nhiều hiệp định, thỏa

thuận, ghi nhớ song phương, đa phương về vấn đề này... Tuy nhiên, cũng cần tiếp tục nghiên cứu, đàm phán để mở rộng phạm vi hợp tác, ký kết với các nước, đặc biệt là các nước trong khu vực sông Mêkông. Các thỏa thuận này nên có những cam kết về hợp tác trong việc trao đổi thông tin, thu thập chứng cứ, lời khai, dẫn độ, chuyển giao tài liệu cũng như tiến hành các hoạt động truy tìm, tạm giữ và phong tỏa tài sản... để tạo cơ sở pháp lý hữu hiệu hơn trong lĩnh vực hợp tác quốc tế đấu tranh chống buôn bán người.

II. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

Đề án được xây dựng trên cơ sở các căn cứ pháp lý sau:

- Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc bảo vệ quyền con người, quyền của phụ nữ và trẻ em được thể chế hóa trong Hiến pháp, Luật Hôn nhân gia đình, Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, Bộ luật Hình sự và nhiều văn bản pháp luật khác.

- Nhà nước Việt Nam đã phê chuẩn nhiều Công ước quốc tế như Công ước loại trừ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Công ước quyền trẻ em, Công ước 182 về xóa bỏ ngay các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và nhiều văn kiện pháp lý quan trọng khác liên quan đến bảo vệ quyền con người, quyền của phụ nữ và trẻ em.

684713

- Ngày 14 tháng 7 năm 2004, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 130/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010, trong đó xác định công tác “xây dựng và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em” là một trong những nội dung chủ yếu của Chương trình. Đề án “xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em” là một trong 4 Đề án lớn của Chương trình hành động đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc xây dựng và thực hiện Đề án.

Phần thứ hai NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu tổng quát: hoàn thiện hệ thống pháp luật về ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của các công cụ pháp lý đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

2. Mục tiêu cụ thể:

a) Rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành liên quan đến công tác

phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, phát hiện những hạn chế, bất cập và kiến nghị hướng hoàn thiện.

b) Sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật liên quan đến công tác ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em nhằm tăng cường khung pháp lý đấu tranh có hiệu quả nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em.

c) Nghiên cứu, so sánh pháp luật quốc tế để kiến nghị ký kết, gia nhập một số điều ước quốc tế có liên quan.

II. CÁC HOẠT ĐỘNG CHỦ YẾU CỦA ĐỀ ÁN

1. Hoạt động 1: rà soát, đánh giá hệ thống văn bản pháp luật hiện hành về phòng ngừa, ngăn chặn, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em:

a) Nội dung:

Rà soát, đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em trên các phương diện: tính hợp hiến, hợp pháp, tính đầy đủ, đồng bộ, khả thi và hiệu quả của các quy định pháp luật hiện hành trong việc đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em cũng như tính tương thích của các quy định hiện hành với các văn kiện quốc tế mà Việt Nam đã ký kết và gia nhập; phát hiện những điểm hạn chế, bất cập trong hệ thống pháp luật và kiến nghị hướng hoàn thiện.

b) Phạm vi rà soát, đánh giá:

Phạm vi rà soát, đánh giá là các văn bản quy định chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, các văn bản pháp luật hiện hành của Nhà nước (bao gồm luật, pháp lệnh, nghị quyết, quyết định, nghị định, chỉ thị, thông tư), các điều ước quốc tế song phương và đa phương mà Việt Nam đã ký kết và gia nhập liên quan đến ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, tập trung vào bốn lĩnh vực sau đây:

- Điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em;
- Bảo vệ, hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng nạn nhân bị buôn bán;
- Phòng ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em;
- Hợp tác quốc tế và khu vực về chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

c) Kết quả đầu ra:

- Một Báo cáo đánh giá hệ thống pháp luật hiện hành về ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, những hạn chế, bất cập và kiến nghị hướng hoàn thiện;

- Một cuốn hệ thống hóa văn bản pháp luật hiện hành về ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em làm cẩm nang, phục vụ hoạt động của các cán bộ nghiên cứu, thực thi pháp luật về vấn đề này.

2. Hoạt động 2: khảo sát thực tiễn thi

hành pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

a) Nội dung:

- Tổ chức các đoàn khảo sát liên ngành của các cơ quan xây dựng và thực thi pháp luật về chống buôn bán phụ nữ và trẻ em để đánh giá tình hình áp dụng và thi hành pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em trong bốn lĩnh vực chủ yếu là: điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em; bảo vệ, hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng nạn nhân bị buôn bán; phòng ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em; hợp tác quốc tế và khu vực về phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em. Phát hiện những quy định của pháp luật chưa phù hợp, không khả thi, chưa chặt chẽ, thiếu rõ ràng, mâu thuẫn, chông chéo làm cản trở việc áp dụng và thi hành trong thực tiễn, những vấn đề chưa được pháp luật điều chỉnh;

- Trên cơ sở kết quả khảo sát, kiến nghị hướng hoàn thiện các quy định pháp luật nhằm tăng cường tính hiệu quả của các quy định pháp luật hiện hành về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

b) Phạm vi, phương pháp khảo sát:

- Phạm vi:

+ Một số địa phương trong cả 3 khu vực: miền Bắc, miền Trung và miền Nam, ưu tiên cho việc khảo sát tại các địa bàn trọng điểm diễn ra hoạt động buôn bán người như một số địa bàn là

nơi tuyển mộ, trung chuyển và chuyển giao phụ nữ, trẻ em bị buôn bán;

+ Một số cơ quan, tổ chức tiến hành các công việc dễ bị lợi dụng để buôn bán phụ nữ, trẻ em;

+ Một số cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Tòa án;

+ Một số cơ sở dịch vụ cho nạn nhân bị buôn bán.

- Phương pháp:

+ Khảo sát trực tiếp;

+ Khảo sát thông qua bảng hỏi, phiếu điều tra xã hội học.

c) Kết quả đầu ra:

Một Báo cáo kết quả khảo sát bao gồm các đánh giá, nhận xét và kiến nghị liên quan đến hoàn thiện hệ thống pháp luật chống buôn bán phụ nữ, trẻ em

3. Hoạt động 3: tổ chức Hội thảo về hoàn thiện pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em

a) Nội dung:

- Chia sẻ kết quả rà soát hệ thống pháp luật hiện hành và khảo sát thực tiễn thi hành pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Đề xuất, thảo luận về những kiến nghị cụ thể nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

b) Thành phần tham dự:

- Đại diện của các Bộ, ngành hữu quan

như Bộ Công an, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Quốc phòng, Bộ Tư pháp, Tổng cục Hải quan, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Ban Nội chính Trung ương, Văn phòng Chính phủ, Văn phòng Quốc hội, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam v.v...

- Một số cán bộ, chiến sĩ trực tiếp làm nhiệm vụ đấu tranh phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em thuộc các lực lượng công an, bộ đội biên phòng, cảnh sát biển, cán bộ tư pháp trung ương và địa phương v.v...

c) Quy mô Hội thảo:

Hai hội thảo ở hai miền Bắc và Nam trên quy mô toàn quốc.

d) Kết quả đầu ra:

- Báo cáo kết quả Hội thảo;

- Danh mục văn bản, những vấn đề thuộc chủ trương, chính sách cần được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, ban hành mới nhằm tăng cường hiệu quả phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

4. Hoạt động 4: sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật nhằm tăng cường có hiệu quả việc ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em:

Trên cơ sở các hoạt động (1), (2), (3)

nêu trên và các kết quả nghiên cứu, tổng kết thi hành pháp luật có liên quan, tiến hành xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các văn bản pháp luật nhằm tăng cường có hiệu quả việc ngăn chặn, phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em theo 4 nội dung sau:

a) Tăng cường hoàn thiện các quy định về điều tra, truy tố, xét xử các hành vi liên quan đến buôn bán phụ nữ, trẻ em:

- Nghiên cứu, bổ sung, hình sự hóa các hành vi liên quan đến buôn bán phụ nữ, trẻ em cần thiết xử lý bằng biện pháp hình sự mà Bộ luật Hình sự hiện hành chưa đề cập tới, bổ sung các tình tiết tăng nặng định khung nhằm xử lý nghiêm minh các hành vi liên quan đến tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, nghiên cứu, đưa ra giải thích thống nhất về khái niệm buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, quy định chi tiết thi hành Bộ luật Tố tụng hình sự liên quan đến việc điều tra, truy tố, xét xử tội phạm nói chung và tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em nói riêng, trong đó bao gồm Thông tư liên ngành giữa Bộ Công an - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn việc tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về tội phạm, Thông tư liên ngành giữa Bộ Công an - Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao hướng dẫn bảo vệ người làm chứng, người tố giác tội phạm, người bị hại và các văn bản có liên quan khác, trong đó chú trọng đến việc hướng dẫn các vấn đề

liên quan đến tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em;

- Sửa đổi, bổ sung, cụ thể hóa các quy định về xử lý hành chính, bồi thường dân sự liên quan đến hành vi buôn bán phụ nữ, trẻ em nhằm tăng cường tính hiệu quả của các chế tài hành chính, dân sự đối với việc xử lý các hành vi này, trong đó, chú trọng đến việc sửa đổi, bổ sung các quy định về xử lý hành chính đối với các hành vi xuất nhập cảnh trái phép, sử dụng lao động người chưa thành niên trái pháp luật hoặc môi giới, tổ chức cho người Việt Nam đi lao động tại nước ngoài trái phép... trong các Nghị định hiện hành của Chính phủ, xây dựng trình Chính phủ ban hành Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực dân số, gia đình và trẻ em, Nghị định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực tư pháp trong đó chú trọng đến tính hiệu quả của các chế tài xử lý hành chính đối với các hành vi vi phạm các quy định pháp luật về bảo vệ quyền trẻ em, dẫn dắt, ép buộc trẻ em mại dâm, môi giới kết hôn, cho nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài trái pháp luật v.v... nhằm ngăn chặn, loại trừ những hành vi dễ dẫn đến buôn bán người và xử lý nghiêm minh những hành vi xâm hại quyền phụ nữ, trẻ em.

b) Sửa đổi, bổ sung, xây dựng, ban hành mới các văn bản pháp luật, tạo khung pháp lý đồng bộ cho việc hồi hương và tái hòa nhập cộng đồng thành công các nạn nhân bị buôn bán:

- Xây dựng và trình cơ quan có thẩm

quyền ban hành văn bản pháp luật (cấp Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ) quy định trình tự, thủ tục hồi hương các nạn nhân bị buôn bán thay thế Chỉ thị số 747/CT-TTg ngày 15 tháng 11 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ;

- Xây dựng, ban hành các chính sách, chế độ hỗ trợ phụ nữ và trẻ em là nạn nhân bị buôn bán trở về trong thời gian ở tại các cơ sở tiếp nhận như chế độ ăn, ở, chữa trị, đi lại, trở về địa phương nơi đôi tượng cư trú, các chính sách, chế độ hỗ trợ cho phụ nữ và trẻ em là nạn nhân trở về trong việc học nghề, vay vốn, tạo việc làm, hỗ trợ đất đai canh tác... (văn bản cấp Thủ tướng Chính phủ hoặc cấp Bộ, ngành);

- Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành nhằm tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về các thủ tục pháp lý như nhập hộ khẩu, làm giấy khai sinh... cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán khi trở về địa phương.

c) Sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của pháp luật về ngăn ngừa buôn bán phụ nữ và trẻ em:

- Sửa đổi, bổ sung, khắc phục những kẽ hở, thiếu sót của các quy định pháp luật hiện hành liên quan đến lĩnh vực kết hôn với người nước ngoài, cho, nhận con nuôi có yếu tố nước ngoài quy định trong Nghị định số 68/2002/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2002 của quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hôn nhân và gia đình về quan hệ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài, Thông tư số 07/2002/TT-BTP ngày 16 tháng 12

năm 2002 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Nghị định số 68/2002/NĐ-CP;

- Ban hành văn bản (Thông tư/Thông tư liên tịch) hướng dẫn và tổ chức thực hiện Chỉ thị số 03/2005/CT-TTg ngày 25 tháng 02 năm 2005 về tăng cường quản lý hôn nhân, gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Nghiên cứu, hoàn thiện các văn bản có liên quan trong lĩnh vực dân sự, lao động, y tế, giáo dục, xóa đói, giảm nghèo, trợ cấp xã hội... nhằm tăng cường bảo đảm hơn nữa các quyền phụ nữ, trẻ em.

5. Hoạt động 5: nghiên cứu, cập nhật thông tin về pháp luật quốc tế trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em, đẩy nhanh tiến độ nghiên cứu, đề xuất ký kết và phê chuẩn hoặc gia nhập các Hiệp định, thỏa thuận, Công ước quốc tế có liên quan đến chống tội phạm và buôn bán người:

- Thiết lập hệ thống thông tin về pháp luật quốc tế và tiến trình nghiên cứu, đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế song phương và đa phương phục vụ việc nghiên cứu, ký kết và phê chuẩn hoặc gia nhập các Hiệp định, thỏa thuận, Công ước quốc tế có liên quan đến chống tội phạm và buôn bán người;

- Tiếp tục nghiên cứu, đàm phán để tăng cường phê chuẩn, ký kết các công ước, nghị định thư, các thỏa thuận song phương và đa phương về chống tội phạm buôn bán người với các nước trên thế giới, đặc biệt là với các nước trong khu vực sông Mêkông, các nước có chung

đường biên giới thông qua một cơ quan đầu mối (Bộ Công an) nhằm điều hành và đẩy nhanh tiến độ của các hoạt động hợp tác.

- Đẩy nhanh tiến độ phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, nghiên cứu, ký kết Nghị định thư bổ sung Công ước về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

III. HIỆU QUẢ CỦA ĐỀ ÁN

1. Đề án này tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện các văn bản pháp luật về chống buôn bán người sẽ góp phần hoàn thiện từng bước hệ thống văn bản pháp luật về ngăn ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em từ nay đến năm 2010, tăng cường tính hiệu quả của các công cụ pháp lý trong việc ngăn ngừa, điều tra, truy tố, xét xử tội phạm buôn bán phụ nữ và trẻ em, bảo vệ, hỗ trợ nạn nhân của tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em, tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho việc đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em.

2. Đề án được thực hiện cũng sẽ làm tăng cường tính phù hợp và hài hòa của hệ thống pháp luật Việt Nam với pháp luật quốc tế và khu vực trong việc đấu tranh chống buôn bán người, góp phần đẩy nhanh tiến độ phê chuẩn Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia (TOC) và ký kết Nghị định thư bổ sung Công ước về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị buôn

bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em cũng như tăng cường ký kết các Hiệp định, thỏa thuận song phương, đa phương với các nước trên thế giới và trong khu vực về vấn đề này, tăng cường tính hiệu quả của việc hợp tác quốc tế trong việc đấu tranh chống buôn bán người.

IV. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

1. Thời gian, tiến độ thực hiện Đề án:

Thời gian thực hiện Đề án từ 2005 - 2010 chia thành 2 giai đoạn:

a) Giai đoạn 1: từ 2005 - 2007:

- Thực hiện các hoạt động 1, 2, 3 trong Đề án;

- Thực hiện một số nội dung cụ thể thuộc hoạt động 4 và hoạt động 5 (sẽ xây dựng kế hoạch cụ thể riêng).

b) Giai đoạn 2: từ 2008 - 2010:

- Tiếp tục thực hiện hoạt động 4 và hoạt động 5;

- Đánh giá thực hiện Đề án.

2. Kinh phí thực hiện Đề án:

Kinh phí thực hiện Đề án được lấy từ nguồn ngân sách trung ương, hàng năm Chính phủ dành một khoản kinh phí để thực hiện Đề án, hỗ trợ có mục tiêu cho các hoạt động cụ thể của Đề án theo dự toán kinh phí thực hiện Đề án hàng năm do Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành có liên quan xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Bộ Tư pháp có trách nhiệm chủ trì tổ chức thực hiện Đề án, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan trong việc thực hiện Đề án; chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng kế hoạch cụ thể thực hiện từng nội dung hoạt động của Đề án; lập danh mục các văn bản pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, ban hành mới và dự kiến kinh phí thực hiện, trình cơ quan có thẩm quyền đưa vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của Nhà nước và tổ chức thực hiện; sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp luật thuộc phạm vi được phân công trong Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, trình cấp có thẩm quyền ban hành; phổ biến kết quả đầu ra các hoạt động của Đề án các Bộ, ngành có liên quan, định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo 130/CP về kết quả thực hiện Đề án.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Bộ Tài chính bố trí ngân sách cho Đề án xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về ngăn ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em trong kế hoạch kinh phí hàng năm trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.

3. Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán kinh phí thực hiện Đề án xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật về ngăn ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em đến năm 2010

theo quy định của pháp luật về ngân sách.

4. Bộ Công an, Bộ Ngoại giao, Bộ Quốc phòng (Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng), Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em và các Bộ, ngành có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc tổ chức thực hiện Đề án theo chức năng, nhiệm vụ của mình; chủ trì phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, xây dựng các văn bản pháp luật thuộc phạm vi Bộ, ngành được phân công trong kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật hàng năm, trình cấp có thẩm quyền ban hành.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm đánh giá thực tiễn thi hành và áp dụng các văn bản pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em tại địa phương mình, làm báo cáo gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, làm căn cứ cho việc kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật về chống buôn bán người; phối hợp với Bộ Tư pháp trong việc thực hiện hoạt động 2 của Đề án về “Khảo sát thực tiễn thi hành pháp luật về phòng ngừa, đấu tranh chống buôn bán phụ nữ, trẻ em”.

6. Đề nghị Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp và các Bộ, ngành hữu quan trong việc thực hiện Đề án./.